

SỐ 1723

HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Sa-môn Khuy Cơ soạn tại chùa Đại Từ Ân

QUYỂN 1

PHẦN ĐẦU

Nghe rằng: bậc Đại giác tùy theo căn cơ của muôn vật mà quyền biến ra đời giảng nói pháp chân thừa. Năm điều then chốt mà diệu ứng để chúng sanh được khai ngộ. Chấn tích lên núi Dung mà soi sáng cả Đại thiên. Bay qua biển cả mà đến bờ tám muôn, giảng mây từ khắp chúng sanh, gọi mưa pháp thấm gần xa. Từ đó làm cho muôn hoa tươi tốt nhuần khắp cả cỏ cây. Nhưng vì ấu nhi mệt mỏi nơi đường xa hiểm nạn nên Đức Thế tôn mới dẫn dụ lập ra hóa thành. Vì con trẻ ham chơi nên đấng cha lành lập ra ba xe để dẫn dụ ra khỏi nhà lửa. Do đó, Thánh Hậu Thập Quân, tháo hạt ngọc trên búi tóc, kiến y Vương Bát Đế mà trao tay thuốc mầu. Muốn lấy loài rong biển thì phải đặt lờ, sâu xa ngoài cả trăm tông. Đem rồng Thất địa (Long nữ) mà vinh chín phần, dùng mũ năm thừa mà độc chiếm thiên cổ, thật là to lớn. Nêu ra nhất thật bao gồm cả thái hư, rung lưỡng quyền mà di lưu cả muôn tượng. Há dùng sức nhỏ mà leo được lên chốn diệu chỉ cao sâu hay sao?

- Trước hết gọi là kinh Diệu Pháp Liên Hoa, là nắm chỗ diệu cực để mở mang. Đầu tiên là phẩm tựa đó là nêu ra cảnh lớn lao, hiển biệt mục mà lập dị, giải thích pháp bao gồm việc nắm giữ quy tắc. Nêu điềm lành mà gọi là Diệu. Hoa gồm thì tú phát. Tổng kết các nét đẹp mà nêu

gương sen. Thể nghiệp cùng trình bày ra, pháp và dụ đều nêu. Nơi chốn đã rõ ràng đầy đủ, noi theo mà xa lìa chấp trước. Kinh nghĩa là thường là pháp, là nhiếp là quán. Thường là đạo quý của trăm vua. Pháp là đức phạm của thiên diệp. Nhiếp là nhóm họp diệu lý về đây. Quán là chế ngự dung thông khiến cho xa lìa bến khổ sanh tử, cuối cùng được lên bờ giác. Bài tựa là nêu lý do đầu tiên. Trình bày nguyên nhân khởi giáo, tạo tiền đề giảng nói pháp về sau.

Phẩm nghĩa là loại, cũng có nghĩa là biệt. Phân biệt huyền chỉ mà khác loại. Chấn u thuyên để phân biệt. Đề nghĩa là thứ là cứ. Nhất nghĩa là tốt cùng cực, đứng đầu. Kinh có hai mươi tám phẩm, điều quán chân tông. Phẩm này nêu ra đầu tiên, nên gọi là thứ nhất.

- Kinh chép: “Tôi nghe như vậy”

- Khen rằng: Đầu tiên giải thích văn kinh. Lược có chia ra sáu môn.

- 1) Nêu ý khởi kinh
- 2) Nêu tôn chỉ bộ kinh.
- 3) Giải thích được tên kinh phẩm như vậy.
- 4) Hiện bày sự phế lập của kinh phẩm.
- 5) Nêu thứ lớp phẩm kinh.
- 6) Giải thích bốn văn kinh.

PHÂN I: Nêu ý kinh khởi là: Lược có năm nghĩa:

- 1) Đáp nhân thỉnh.
- 2) Phá nghi chấp
- 3) Nêu thọ ký hành trì.
- 4) Lợi ích từ nay về sau.
- 5) Hiện bày thời cơ.

Trong phần đáp lại nhân thỉnh câu có hai:

- 1) Đáp nhân
- 2) Đáp thỉnh.

Đáp về nhân có sáu: Hành nhân, Nguyện nhân, Cầu nhân, Trì nhân, Tướng nhân và Thuyết nhân.

quả Phật chẳng phải thành tựu từ sự lường dối mà phải là do nghiệp hành mới được. Hành không một mình tự khởi phải có nguyện giúp sanh. Hạnh nguyện tuy là tự khởi mà vô duyên không thể riêng mình hiểu được. Dù gặp duyên mà vì cầu trân trọng chẳng phải chột vạy mà quả thành, cần phải do sự thọ trì tu học mới có thể đắc quả. Quả đã viên thành thì sẽ bày ứng vật, biểu hiện sự sâu mâu của tông kinh. Trước là

hiện nhân tướng Đại thừa. Tướng đại thừa đã rõ ràng thì lý bày nói. Cho nên nêu sự ra đời xuất hiện của Phật là một đại sự. Do đây mà trả lời về nhân có đủ sáu nghĩa này:

Đáp về hành nhân là: Trong phẩm Phương Tiện y theo mà luận giải thích có tám nghĩa sâu xa: Phật từng gần gũi trăm ngàn muôn ức vô số Chư Phật. Hành trì tất cả vô lượng đạo pháp của Chư Phật, mạnh mẽ tinh tấn tiếng tâm đồn khắp, thành tựu pháp sâu xa không hề có. Pháp khó hiểu đó Như lai có thể biết, tùy theo chỗ nói mà ý dường khó hiểu. Đây là điều mà Thanh văn, Bích-chi-Phật không thể biết được. Tám điều sâu xa đó là:

- 1) Thọ trì đọc tụng.
- 2) Tu hành.
- 3) Quả hành.
- 4) Tâm Tăng trưởng công đức .
- 5) Tâm khóai diệu sự.
- 6) Vô thượng.
- 7) Nhập

8) Không cùng chỗ làm của Thanh văn, Bích-chi-Phật trụ giữ. Trong kinh chỉ nêu ra có sáu mà không có điều thứ sáu và thứ tám... đến phần dưới sẽ biết: Đạo pháp của Chư Phật đã hành trì rất ráo. Hành trì đầy đủ nhân Nhất thừa chủng trí, mới thành quả Phật. Cho nên nay đáp về nhân pháp mẫu này là để khuyên tu nhân hành.

- Đáp về nguyện nhân là: Trong phẩm Phương Tiện chép: “Xá-lợi-phất lắng nghe: - Ta vốn lập thế nguyện, muốn khiến cho tất cả chúng sanh giống như ta không khác. Như sở nguyện của ta trước kia nay đã đầy đủ . Hóa độ tất cả chúng sanh khiến cho nhập vào Phật đạo.” Phẩm Thọ Lượng chép: “Mỗi khi làm điều gì thì phải nghĩ làm cho chúng sanh nhập vào Phật đạo, mau thành tựu thân Phật . Hoặc từ nơi nhân xưa kia, hoặc quả vị bây giờ thấy điều phát nguyện muốn chúng sanh cũng được như thân ta được nhập vào Phật đạo, cho nên đáp lại bốn nguyện mà nói kinh này. Cũng khiến cho chúng sanh phát hạnh nguyện này, hạnh nguyện hợp nhau nên Phật ra đời.

Đáp về cầu nhân: Trong phẩm Thiên Thọ chép: Ta ở trong đời quá khứ cầu kinh Pháp Hoa không hề biếng nhác, trong nhiều kiếp thường làm vua, cầu đại Bồ-đề, không hề lui sụt. Ta đánh trống tuyên bố khắp bốn phương. Bấy giờ có vị Tiên đến bạch với vua rằng: Ta có kinh Đại Thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa, nếu không trái ý ta thì ta sẽ nói cho nghe.

Vua nghe vị Tiên nói thì vui mừng vô cùng, liền theo vị Tiên hầu hạ các thứ cần dùng. Cho đến đem thân làm giường tòa, thân tâm không hề mỏi mệt, kính thờ vị Tiên như thế suốt cả ngàn năm, vì muốn cầu pháp mà không để cho thiếu sót. Nhà vua khi ấy chính là thân ta bây giờ, vị Tiên ấy này là ĐỀ-bà-đạt-đa. Vì nguyện hạnh quá khứ của Phật tuy thành mà do duyên hội thường chú trọng ở kinh này, với bạn lành thường chuyên việc cầu thỉnh. Cho nên nay Phật giảng nói để cho chúng sanh chú trọng tìm cầu.

Đáp về trì nhân: Trong tám pháp sâu xa ở trước, thì pháp thứ nhất là Phật thường gặn gùi ngàn muôn ức vô số Chư Phật để thọ trì đọc tụng nghĩa sâu xa. Đầu tiên là y theo Bồ-tát hầu hạ năm Hằng sa Phật. Thứ hai là y theo Bồ-tát hầu hạ sáu hằng sa Phật. Thứ ba là y theo Bồ-tát hầu hạ bảy hằng sa Phật. Thứ tư là y theo Bồ-tát hầu hạ tám Hằng sa Phật, gặp nhiều bạn lành thọ trì lâu dài.

Lại vào thời quá khứ Phật Thích-ca Như lai từng làm Bồ-tát Thường Bất Khinh . Sau khi Phật Oai Âm Vương diệt độ hành hạnh bất khinh. Lúc sắp qua đời chợt nghe trên hư không nói kinh Pháp Hoa gồm hai mươi ngàn muôn ức bài kệ và đều có thể thọ trì, liền chứng được sáu căn thanh tịnh như trên, và sau đó tăng tuổi thọ lên hai trăm muôn ức na-do-tha tuổi. Bồ-tát nói rộng kinh này, sau khi qua đời gặp hai ngàn ức Đức Phật đồng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, thường thọ trì kinh này. Do nhân duyên ấy, lại gặp hai ngàn ức Phật đồng hiệu Văn Tự Tại Đăng Vương cũng trong giáo pháp của các Đức Phật này, thọ trì kinh này. Thường giữ gìn sáu căn thanh tịnh như trên. Thường Bất Khinh đó nay chính là thân ta. Vì trước kia thường trì kinh này, nay nói ra để khuyến chúng sanh thường thọ trì.

Đáp về tướng nhân là: Đã thành Phật rồi thì sẽ nói kinh này. Trước vì Bồ-tát mà nói kinh Vô Lượng Nghĩa, kế là nhập vào Tam-muội Vô Lượng Nghĩa Xứ . Trời rải bốn thứ hoa như mưa, đất rung chuyển sáu cách, bốn chúng chiêm ngưỡng, tám bộ vui mừng. Phật phát ra ánh sáng để cho những người ở xa trông thấy rồi sanh nghi. Ngài Di-lặc hỏi và Văn-thù đáp rằng: Như tôi, nghĩ thì nay Đức Thế tôn muốn nói pháp lớn, mưa pháp lớn, thổi loa pháp lớn, đánh trống pháp lớn, diễn nghĩa pháp lớn. Tôi ở đời quá khứ đã từng thấy điềm lành này, phát ra ánh sáng rồi, Phật sẽ nói Đại pháp. Cho đến thuyết rộng ra. Hôm nay Đức Như lai sẽ nói kinh Đại Thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa. Chư Phật ba đời khi sắp nói kinh này, trước cũng hiện ra các tướng lớn ấy, không giống như các kinh khác. Các bộ kinh khác đầu tiên không hiện ra điềm

lành này. Vì tướng phi thường nên phải nói ra, vì sắp nói kinh này, nên trước hiện điềm lành lớn này.

Đáp về thuyết nhân: Văn dưới nói: Chư Phật chỉ vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện ra nơi đời. Chỉ giáo hóa Bồ-tát, không có đệ tử Thanh Văn, cuối cùng tất cả đều chứng đắc Nhất thiết chủng trí. Cho nên Chư Phật ba đời thành đạo cuối cùng chỉ nói pháp Nhất thừa, đều mong cầu phương tiện ở trong nhân. Sự tu học tuy đầy đủ mà không hề giảng nói. Nay thời cơ đã đến không thể để trôi qua như vậy. Cho nên hướng về nhân đời trước mà giảng nói kinh Diệu Pháp này. Ý nghĩa như trên, trong kinh nói cũng rất nhiều, vì sợ rộng, nghe nhiều sanh chán nên chỉ tóm tắt.

Sau là đáp thỉnh: Như trong kinh nói: Khi Bồ-tát mới sanh ra liền đi bảy bước phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp mười phương, nhìn khắp bốn phía mà nói kệ như tiếng rống sư tử:

*Ta thai sanh đã hết
 Đây là thân cuối cùng
 Nay được đạo giải thoát
 Rộng độ các chúng sanh.*

Vừa phát nguyện như thế rồi thì thân dần dần lớn lên, khi trưởng thành đi khắp bốn cửa thành thấy các việc già bệnh chết và hình tướng Sa-môn. Bồ-tát hỏi biết rồi muốn rời bỏ quyền thuộc cầu quả Vô thượng. Trong đêm đó quán thấy trong hậu cung các hậu phi thể nữ nằm ngủ chẳng khác gì thân chết thật là nhàm chán liền bảo Sa-nặc thẳng ngựa Kiền-trắc, chư thiên nâng chân ngựa vượt thành vào lúc nửa đêm. Đi khoảng mười bốn do-tuần, đến chỗ vị Tiên Bạt-già-bà ở trong rừng. Thái tử cầm dao cắt tóc, đổi y phục diệu báu lấy tấm áo cỏ. Rồi bảo Sa-nặc về thưa lại với các vị ấy. Bồ-tát tu tập ở chỗ sáu vị giáo chủ ngoài đạo bên bờ sông Ni-liên. Vì muốn hàng phục các vị ấy nên trải qua sáu năm tu khổ hạnh cuyên cần hơn tất cả. Mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, sau đó biết đây chẳng phải chánh pháp nên lại uống sữa, thọ nhận cỏ cát tường rồi đến dưới cây Bồ-đề, ngồi tòa Kim cương, dùng năng lực trí tuệ hàng phục ma quân, chứng Đại Bồ-đề, ra khỏi hẳn ba cõi. Bấy giờ vị đứng đầu Tam thiên đại thiên thế giới và các trời khác đều đến chỗ Phật cầu thỉnh xoay bánh xe pháp. Hóa Phật khen ngợi khuyên nên quyền nói pháp. Bấy giờ vì căn cơ chưa thuần thực nên tạm nói phương tiện mà chưa thuyết pháp thật. Nay vừa hợp với lời thỉnh của ngài Thu tử v.v... mà nói nương cảnh quyền thật. Ngài Văn-thù thỉnh nói nương hành an vui. Ngài Di-lặc v.v... thỉnh nói quả thân thân ứng. Cho

nên văn kinh ở dưới nói: “Ta mới ngồi đạo tràng, quán cây và kinh hành, trong hai mươi mốt ngày thường suy nghĩ việc ấy, cho đến nghĩ về Chư Phật quá khứ thực hành năng lực phương tiện. Ta nay đắc đạo cũng nên nói ba thừa. Lúc đang suy nghĩ, thì Chư Phật mười phương đều hiện tiếng Phạm âm để an ủi ta: Lành thay! Phật Thích-ca, tùy theo tất cả Chư Phật mà dùng năng lực phương tiện. Do phương tiện này mà lại giảng nói ba thừa. Nay căn cơ của chúng sanh đã thích nghi thuận thực. Các ngài Xá-lợi-phất... cầu thỉnh Phật nói lý chân tông, hiển bày đạo nhất thật này. Cho nên trong kinh nói rằng: Ông đã ân cần ba lần thỉnh, nay ta đâu thể không nói!

Trong phẩm An vui Hạnh, ngài Văn-thù phát lời thỉnh, Đức Thế-tôn nói rộng bốn hạnh an vui. Trong phẩm Thọ Lượng cũng giống như thế. Ngài Di-lặc ba lần thỉnh. Phật bảo: Các ông nên tin hiểu lời nói thành thật của Như lai. Vì đã trải qua ba lần khuyến tin, nên nay mới nói thân chân, thân ứng. Cho nên đáp lại lời thỉnh cầu mà nói pháp Hoa.

- Trong phá chấp nghi có hai: 1) Phá nghi; 2) Phá chấp.

1. *Phá nghi*: Từ khi Phật thành đạo chỉ thọ ký cho các Bồ-tát đắc đạo Bồ-đề, không nói Thanh văn sẽ đắc quả Phật. Các Thanh văn nghi ngờ mình không bao giờ thành Phật. Do đó mà ngài Xá-lợi-phất thương cảm mình và các Thanh Văn không có vô lượng tri kiến của Như lai, cho đến nói rộng... Mà nay nghe Phật nói pháp không hề nghe, không hề có, dứt hết các điều nghi hối. Các vị tiểu Bồ-tát xưa kia nghe pháp Đại thừa, cũng nghi là Bồ-tát mới có đạo Bồ-đề, còn Thanh văn không có. Hoặc các vị Tiểu Bồ-tát tánh Bất định nghi mình cũng không có đạo quả Bồ-đề Phật. Do đó mà ba thừa đều có lưới nghi, thế nên trong kinh nói rằng:

*Thanh văn và Bồ-tát
Nghe ta nói pháp rồi
Dù chỉ một bài kệ
Đều thành Phật không nghi.
Lại nói: Các người cầu ba thừa
Nếu có sự nghi hối.
Phật sẽ dứt trừ cho.
Hết sạch không còn sót.
Lại nói: Bồ-tát nghe pháp này
Lưới nghi đều đã trừ.
Ngàn hai trăm La-hán
Cũng đều sẽ thành Phật.*

Trong đây nói phá nghi cũng gồm cả phá trừ niệm hối hận. Hối hận trước đây tu Tiểu thừa không được thành Phật nay nghe nói được thành Phật nên hối hận được dứt bỏ. Biết tiểu chính là nhân của Đại, nghi thì chung cả ba thừa mà hối chỉ có Tiểu thừa, tức nêu rộng mà thu nhiếp hẹp. Chỉ nói phá nghi mà không nói trừ hối, ở quyển sau sẽ giải thích sự khác nhau. Vì để phá trừ nghi hoặc của đại chúng, nên Phật nói kinh này.

2. *Phá chấp*: Thanh văn có hai hạng:

- Chủng tánh quyết định. Khi chứng quả Thanh văn, chắc chắn nhập Vô dư, thân khô trí diệt. Cho nên trong kinh nói: Người khác có gốc lành đến Niết-bàn thì tận. Gốc lành của Bồ-tát thì không như thế.

Đã lui sụt tâm rồi lại phát tâm Bồ-đề: Loại trước là định tánh, sau là tánh bất định. Nhưng trong luận Du-già và luận Pháp Hoa nói Thanh văn có bốn:

a. Quyết định chủng tánh, cũng gọi là hướng đến vắng lặng (Niết bàn).

b. Tăng thượng mạn: Đây là hàng phàm phu đắc Bốn thiên, gọi là A-la-hán.

c. lui sụt rồi lại phát tâm Bồ-đề: Cũng gọi là chủng tánh Bất định. Vả lại trong hội Pháp Hoa được thọ ký, gọi các người Thanh văn là thoái tâm Bồ-đề, Ngài Xá-lợi-phất cũng thuộc loại này. Nên trong kinh Phật nói: “Xá-lợi-phất! Ta xưa dạy ông chí nguyện Phật đạo, nay ông đều quên hết, mà còn tự cho mình đã diệt độ.” Trong kinh Ưu-bà-tắc nói: “Xá-lợi-phất tu đạo Đại thừa, trải qua sáu mươi kiếp do nhân thí mắt nên đạo hạnh khó thành mà thoái tâm cầu tiểu quả. Ngài Thu Tử cũng nói: Ta nhiều đời đã từng thọ hóa với Phật.

Phẩm Hóa Thành Dụ chép: Mười sáu vị Vương tử trong quá khứ mới kết duyên giáo hóa chúng sanh. Do đó mà gọi là thoái Tâm Bồ-đề. Chẳng phải những vị Bất định tánh đều thuộc loại thoái tâm. Cũng có vị trước kia chưa cầu Đại thừa, nay từ Tiểu quả hướng cầu Đại thừa gọi là bất định tánh.

d. Ứng hóa: Ứng hóa chẳng phải thật. Luận Nhiếp Đại Thừa chép:

- Chư Phật và các đại Bồ-tát hóa thị hiện làm Thanh văn để dẫn dắt Thanh văn hướng về Đại thừa các vị như Phú-lâu-na v.v... đều thuộc loại này.

- Luận Pháp Hoa chép: Trong hội Pháp Hoa này chỉ có hai hạng Thanh văn được thọ ký. Đó là thoái tâm và Ứng hóa, còn hạng hướng

đến vắng lặng và tăng thượng mạn, thì Phật không thọ ký, vì người căn tánh chưa thuần thực; Bồ-tát thì thọ ký cho. Tuy cũng nói chung là: Các ông thực hành đạo Bồ-tát sẽ thành Phật mà luận giải thích: thọ ký là để cho phát tâm.

Thoái tâm Bồ-đề chính là căn cơ thuần thực, nên Phật nói Nhất thừa chính là để phá trừ chấp của họ. Ứng hóa Thanh văn chẳng phải thật không có chấp để phá thị hiện tướng có thể như thế. Người tăng thượng mạn đã là phàm phu căn hiện tại chưa thuần thực, nên Phật không thọ ký.

- Bồ-tát thọ ký cho: Như Ngài Thường Bất Khinh vì có đủ nhân thọ ký, khiến tin là có Phật tánh. Lại dần dần phát tâm tu đại hạnh.

Người hướng đến vắng lặng tức đã không có căn tánh Đại thừa, làm sao nói căn cơ thuần thực hay không thuần thực, cho được, nên nói họ không có đại tánh, căn lành chưa thuần thực nên Phật không thọ ký. Bồ-tát thọ ký cho là đầy đủ nhân lý tánh, dần dần tin pháp Đại thừa không còn ngu đối với pháp, chẳng phải căn tánh chưa thuần thực, sau có thể sẽ thuần thực. Cho nên không phải thọ ký cho Bồ-tát là khiến họ phát tâm hướng về quả Bồ-đề Đại thừa.

Nói sẽ thành Phật, là vì tâm nguyện của Bồ-tát nên Phật dùng phương tiện hóa độ họ khiến cho sanh ý tin. Như kinh Bát-nhã chép: Ta đều khiến cho chúng sanh nhập Niết-bàn Vô dư nhưng chẳng phải đều nhập hết. Bồ-tát được thọ ký hướng đến vắng lặng cũng vậy. Nếu chấp “hướng đến vắng lặng” này đồng với tăng thượng mạn thì chẳng những không được gọi là hướng đến vắng lặng, mà lại rất trái với giáo nghĩa. Không nên lầm lẫn. Vì Thanh văn hướng đến vắng lặng và tăng thượng mạn hợp chung lại mà nói: Chủ ý phiên dịch nghĩa căn tánh chưa thuần thực khiến cho họ phát tâm. Nghĩa chánh thì nên nói “người hướng vắng lặng” thì căn tánh chưa thuần thực, nên Phật không thọ ký. Bồ-tát thọ ký cho khiến họ phát tâm tin hiểu Đại thừa. Người tăng thượng mạn vì căn tánh chưa thuần thực nên Phật không thọ ký cho. Bồ-tát được thọ ký để hướng về tâm đại thừa nên hướng vắng lặng thì sau này cũng đắc quả thành Phật. Ý này trái với kinh Niết-bàn đã nói. Bồ-tát cũng có hai: Một là đốn ngộ, hai là tiệm ngộ.

Tiệt ngộ có hai nghĩa:

1) Là từ quả Nhị thừa, phát tâm hướng cầu Đại thừa thì gọi là tiệm ngộ. Do số chúng sanh ít hoặc hoàn toàn không có. Nếu từ người nhị thừa mà quy về Đại thừa tức là thuộc về đốn ngộ, vì không hề chứng quả Nhị thừa, số sanh còn nhiều nên không gọi là Tiệm ngộ. Cho nên

trong kinh Niết-bàn chép: Chỉ nói tám muôn kiếp của bậc Thánh mà không nói: “Kiếp số hồi tâm của phàm phu.

2) Từ trong hội mà phát tâm nhị thừa, từng tu hạnh nhị thừa, lại quy về Đại thừa nên gọi là tiệm ngộ. Vì tánh Nhị thừa đầy đủ nên tu hạnh ấy. Nghe suy tư rồi ngộ giải cũng gọi là ngộ, cần gì phải chứng ngộ. Hướng chi người cũng có số sanh ít. Nghĩa là đã định sanh tức khi sự sanh này cho đến một lần tu thuận phần quyết trạch. Trong kinh chỉ y theo kiếp định nên chỉ nói bậc Thánh, đâu có ảnh hưởng phàm phu hay có số sanh ít tức là Kinh này nói lý Nhất thừa. Trong luận tuy nói vì người Nhị thừa Thanh văn mà nói là thoái tâm, ứng hóa, trong khi một hội Pháp Hoa chính chỉ vì người thoái tâm Bồ-đề, cũng nói cả ứng hóa. Ngài Mãn Từ Tử cũng ở trong hội. Nếu theo Nhiếp luận hợp lấy mười nghĩa mà nói Nhất thừa, thì nghĩa gồm cả ba lý cũng không sai, tức quyết định chủng tánh không còn ngu pháp, chủng tánh bất định hồi tâm hướng cầu pháp Đại thừa, người ứng hóa thì thị hiện được thọ ký. Tuy cũng có thể nói về hai hạng Bồ-tát đốn tiệm nhưng chánh tông chỉ vì người. Cho nên, kinh nói: “Bồ-tát nghe pháp này lưới nghi đều xé toang đối với nghĩa thì gồm đốn ngộ mà lý thì chưa rõ ràng. Trong mười nghĩa của Nhiếp Luận giải thích về Nhất thừa rằng: Vì dẫn nhiếp một loại căn cơ và gìn giữ các căn cơ chúng sanh khác. Do chủng tánh bất định mà Chư Phật nói Nhất thừa. Nói dẫn nhiếp một loại tức Thanh văn lui sụt tâm Bồ-đề. Gìn giữ các căn cơ khác tức là Bồ-tát tiệm ngộ lui sụt tâm Bồ-đề trụ quả Thanh văn, chấp quả Tiểu thừa tự cho là rốt ráo. Ngài Xá-lợi-phất nói: Ta đã trừ hết tà kiến, chứng được pháp không. Bấy giờ tâm tự cho là được đến chỗ diệt độ.”

Ca-diếp cũng nói: “Phật vì muốn chúng ta vượt ra khỏi ba cõi, đắc chứng được Niết-bàn. Đối với pháp Bồ-tát tâm không sanh một niệm ưa thích”. Đây đều ý nói do xưa chấp trước cảnh Tiểu thừa. Như Nhiếp luận chép: Rèn luyện ba thứ tâm, Dứt trừ bốn chỗ chướng. Duyên pháp nghĩa làm cảnh.

Bốn chỗ là:

- 1) Nhị thừa tác ý.
- 2) Chư nghi là nghi.
- 3) Đối với pháp được nghe và suy nghĩ cho rằng: Ta có thể như thế, ngoài ra không thể như thế.

4) Đối với bộ xương cho đến Bồ-đề chấp trước phân biệt.

- Nhị thừa tác ý là: Chấp vào quả nhị thừa là tốt cùng. Vì muốn dứt chấp trên mà nói kinh này. Bồ-tát tiệm ngộ chấp Bồ-đề chỉ có Phật

chứng bản thân mình không có phần, muốn sanh tâm lui sụt trở lại Nhị thừa. Vì vậy mà Phật muốn các vị nhậm trì pháp này để không lui sụt. Lại các hàng Đốn ngộ tiểu Bồ-tát, chấp người đã theo Đại thừa tu hành là có thể thành Phật, đã trụ Thanh văn thì không thể thành Phật. Nay phá chấp này để nói lên Nhị thừa chẳng phải tốt cùng, người trụ Nhị thừa cũng được thành Phật, cho nên nói kinh này. Do đây mà trong Nhiếp luận đoạn bốn chỗ nói: Thứ nhất là Nhị thừa tác ý, thứ hai là nói: “Ta có khả năng như vậy, ngoài ra không thể được vậy. Tức hai loại này là nghi các nghi được lia ở trước

Nói về thọ ký hành trì có hai nghĩa:

1) Nói ký là Phật từ khi thành đạo chưa thọ ký đạo Bồ-đề cho Thanh văn. Nay thọ ký cho họ cho nên nói kinh này. Trong kinh có nói: Ta lập phương tiện để cho chúng sanh thể nhập tuệ Phật, không hề nói các ông sẽ được Phật đạo. Sở dĩ không hề nói vì lúc nói chưa đến. Nay chính đã phải lúc, nên Phật quyết định nói Đại thừa.”

Lại ngài Ca-diếp nói: Nay chúng ta tuổi tác đã cao. Phật giáo hóa các Bồ-tát đặc pháp A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề, không hề sanh một niệm ưu thích. Chúng ta nay đối trước Phật nghe thọ ký cho Thanh văn đắc quả Chánh đẳng Chánh giác. Tâm liền vui mừng được điều không hề có.

Lại nói: Hoặc nói Tu-đa-la, Già-đà, và Bốn sự, Bốn sanh, Vị Tăng Hữu. Cũng nói nhân duyên, thí dụ, cũng kỳ dạ Ưu-ba-đề-xá-ly. Chỉ vì Thanh văn mà nói chín bộ này. Không nói Thọ Ký, Phương Quảng, Tự Thuyết. Vì trước đây không hề thọ ký, nay lại thọ ký nên gọi là kinh.

2) Nêu rõ hành là: Nay nói hành Nhất thừa của Bồ tát. Nhất thừa chính là hạnh của Bồ-tát cho nên trong kinh nói: “Có Phật tự tâm thanh tịnh mềm mỏng cũng rất lợi căn. Ở trong vô lượng Chư Phật hành đạo sâu mâu. Phật vì họ mà nói kinh Đại thừa này. Lại nói Thanh văn cũng như Bồ-tát, nghe ta nói pháp cho đến thọ trì một bài kệ đều thành Phật không còn nghi ngờ.”

Lại nói: “Xá-lợi-phất! Chư Phật Như lai, chỉ giáo hóa Bồ-tát, các vị có làm điều gì thường vì một việc, phải do tu phước tuệ mà soi chiếu có, không. Tìm trong giáo giải thích lý nhiệm mâu rất ráo mà hiểu chân thật khởi ngộ Nhất thừa. Lại tạm nói Nhất thừa có nhân có quả. Nhân tức là Thất địa bốn hạnh Bồ-tát, dưới tùy theo sở ứng mà thích nghi đủ. Quả là quả vị Phật Bồ-đề Niết-bàn trong ba thân này đều nhiếp cả.

Lại ba lần chuyển Phật chỉ nói về Nhất thừa, nói cảnh Nhất thừa. Phẩm An vui Hạnh nói hành Nhất thừa. Phẩm Thọ Lượng nói quả Nhất

thừa, nói cảnh muốn phát tâm Thanh văn nói hành khiến cho tu Bồ-tát hạnh, nhờ đó mới có công đức quả Phật. Như vậy vì muốn nói Bồ-tát hạnh nên Phật nói kinh Pháp Hoa.

Trong lợi ích nay và sau có hai phần:

1) Lợi nay:

Trong hội Pháp Hoa có cả chúng phàm Thánh nên nghe kinh Pháp Hoa mà được lợi ích. Đây có hai: Lợi ích được thọ ký quả, và lợi ích hiện tại chứng.

- Lợi ích được thọ ký quả, tức là vì ba căn cơ Đức Thế tôn ba lần chuyển nói nghĩa Nhất thừa. Hội ở hai thừa phá chấp hai thừa, vì người lợi căn lợi ích hiện tại. Từ phẩm Phương tiện cho đến phẩm Thí Dụ. Ngài Thu Tử được thọ ký, khiến cho tám bộ đều vui mừng. Đó là lần chuyển thứ nhất.

- Chánh kinh: Chư Phật vì một việc nhân duyên lớn nên xuất hiện ở đời. Hoặc nói Chư Phật dùng năng lực phương tiện đối với pháp Nhất thừa phân biệt nói thành ba. Thế nên trong phẩm Thí Dụ, ngài Xá-lợi-phất nghe nói pháp rồi càng sanh lòng tín hiểu lãnh hội, thuật lại việc thành tựu với Phật rồi liền được thọ ký. Trong phẩm Thí Dụ, Xá-lợi-phất thỉnh Phật nói pháp Thí dụ, với các phẩm Tín Giải, Dược Thảo Dụ, phẩm Thọ Ký là lần chuyển thứ hai. Phẩm Thí Dụ chép: “Như lai cũng giống như thế, là cha lành của tất cả chúng sanh” hoặc nói: Tôn giả Xá-lợi-phất vì nhân duyên này nên biết Chư Phật dùng các lực phương tiện đối với Nhất thừa phân biệt nói thành ba. Ngài Đại Ca-diếp nghe nói như vậy rồi, ở trong phẩm Tín Giải mới sanh lãnh ngộ. Trong phẩm Dược Thảo Dụ Phật thuật lại thành tựu. Trong phẩm Thọ Ký, Phật liền thọ ký do bốn đại đệ tử là đại Ca-diếp, Tu-bồ-đề, Ma-ha Ca-chiên-diên, và Đại Mục-kiền-liên.

Từ phẩm Hóa Thành Dụ năm trăm đệ tử được thọ ký, đến phẩm Thọ Học Vô Học nhân ký, là lần chuyển thứ ba. Trong phẩm Hóa Thành Dụ, đầu tiên nói về việc Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, để cho đại chúng nhớ lại.

Lại nói: “Này các Tỳ-kheo! Nếu Như lai tự biết khi Niết-bàn đến.” Hoặc nói: Chỉ là Như lai dùng năng lực phương tiện đối với một Phật thừa phân biệt nói thành ba. Ngài Phú-lâu-na nghe nói như thế rồi nên trong phẩm Thọ Ký Phật thọ ký cho năm trăm vị đệ tử càng sanh lãnh giải. Phật thuật lại việc thành tựu rồi nên năm trăm vị đệ tử và chúng Học, Vô học đều được thọ ký. Tức là làm lợi ích cho chúng Thanh văn bấy giờ. Kinh có sáu nơi để thị hiện thọ ký.

a) Biệt ký: Ngài Xá-lợi-phất và bốn vị đại Thanh văn tri thức, danh hiệu khác nhau nên nói là Biệt ký.

b) Đồng ký: Ngài Phú-lâu-na và năm trăm vị, một ngàn hai trăm vị, đồng một tên và đồng thời thọ ký.

c) Hậu Ký: Chúng Hữu học, Vô học, không phải chúng tri thức, cùng đồng một hiệu, trong các vị hạ căn thời sau được thọ ký.

d) Vô Oán ký: Nói lên Như lai không có oán ghét nên, thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa.

e) Thông hành ký: Thị hiện thân nữ, dù ở tại gia xuất gia tu Bồ-tát hạnh cũng đều chứng quả Phật. Nên Phật thọ ký cho Tỳ-kheo ni và Thiên nữ. Năm pháp thọ ký trên là lợi ích thời ấy đều do Như lai thọ ký.

f) Cụ nhân ký: Bồ-tát Thường Bất Khinh lễ bái khen ngợi rằng: Tôi không dám khinh quý Ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật, nói lên chúng sanh đều có Phật tánh. Đây là một loại Bồ-tát thọ ký cho, nói lợi ích vãng thời. Ba phần đầu và thứ năm là lợi từ nghe Pháp Hoa được thọ ký, hai loại còn lại được thọ ký không phải do nghe kinh. Năm thứ thọ ký trước đều gọi là lợi ích ngày nay, tức là lợi ích được thọ ký quả. Nhưng các Thanh văn được thọ ký về sau, còn thọ biến dịch sanh tử, còn về nghĩa thế, tướng trạng... phần sau sẽ nói.

- Lợi ích hiện tại chứng: Lại có nhiều loại, như trong phẩm Đề-bà-đạt-đa, tuy Long nữ từ cung rồng xuất hiện thành đạo đều do Pháp Hoa, nhưng không phải lợi ích từ hội Linh Sơn, nên lược qua không nói. Chỉ có khi Long nữ thành đạo nói pháp. Bấy giờ chúng Bồ-tát, Thanh văn, tám bộ trời rồng người và chẳng phải người ở thế giới Ta-bà, từ xa đều thấy Long nữ kia thành Phật. Khấp vì chúng trời người trong pháp hội nói pháp. Tâm các vị rất vui mừng đều cùng kính lễ từ xa. Có vô lượng chúng sanh nghe pháp ngộ giải rồi đắc đạo không còn lui sụt. Có vô lượng chúng sanh được thọ ký thành đạo. Thế giới Vô cấu sáu lần rung chuyển. Ba ngàn chúng sanh ở thế giới Ta-bà trụ địa lui sụt. Ba ngàn chúng sanh phát tâm Bồ-đề mà được thọ ký. HỢP với lợi ích bốn quả vị này. Phẩm Phân Biệt Công Đức có mười một vị đắc chứng.

Vị phát tâm: Phật nói: Lúc Như lai thọ lượng lâu dài, có sáu trăm tám mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa chúng sanh đắc vô sanh pháp nhãn. Có ngàn muôn vị Đại Bồ-tát đắc môn văn trì Đà-la-ni. Lại Đại Bồ-tát số nhiều như bụi nhỏ của một thế giới đắc Nhạo thuyết biện tài, Đại Bồ-tát số nhiều như bụi nhỏ của một thế giới đắc trăm ngàn muôn ức vô lượng Triền Đà-la-ni. Tam thiên đại thiên thế giới vi trần số Đại

Bồ-tát có thể xoay bánh xe pháp không còn lui sụt. Hai ngàn cõi nước vi trần số Đại Bồ-tát có thể xoay bánh xe pháp thanh tịnh. Có Tiểu thiên cõi nước vi trần số Đại Bồ-tát đắc được tám sanh.

Bốn tứ thiên hạ đương đắc bốn sanh, ba tứ thiên hạ đương đắc ba sanh, hai tứ thiên hạ đương đắc hai sanh, và một tứ thiên hạ vi trần số Đại Bồ-tát nhất sanh sẽ đắc quả A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề. Lại có tám thế giới vi trần số chúng sanh đều tâm phát A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề như nói tám muôn bốn ngàn Bồ-tát ở trong phẩm Dược Vương, đắc Đà-la-ni hiểu được ngôn ngữ của tất cả chúng sanh. Trong phẩm Diệu Âm nói có tám muôn bốn ngàn vị đắc Tam-muội Hiện nhất thiết sắc thân. Bốn muôn hai ngàn thiên tử đắc vô sanh pháp nhãn. Hoa Đức Bồ-tát đắc Tam-muội Pháp Hoa. Nói phẩm Quan Âm có tám muôn bốn ngàn chúng sanh đều phát tâm vô đẳng đẳng A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề. Nói phẩm Đà-la-ni có sáu muôn tám ngàn người đắc vô sanh pháp nhãn. Nói phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương bốn sự có tám muôn bốn ngàn người xa lìa hết bụi nhỏ đắc pháp nhãn thanh tịnh. Nói phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát, có Hằng hà sa đẳng vô lượng vô biên Bồ-tát đắc trăm muôn Triền Đà-la-ni. Có Tam thiên đại thiên thế giới vi trần đẳng Bồ-tát hành đạo Phổ Hiền. Trong năm thọ ký trước, thọ ký sẽ thành Phật. Hai mươi lăm loại này là nhân vị hiện chứng đều là lợi ích hiện nay mà nói kinh Pháp Hoa.

2) Lợi ích về sau: Rời khỏi hội về sau đều do kinh Pháp Hoa mà được công đức đều là lợi ích về sau. Phẩm Tùy Hỷ Công Đức nói: Năm mươi người khi nghe kinh Pháp Hoa đều tùy hỷ thì công đức, hơn cả bố thí bốn trăm muôn ức na-do-tha, tam thiên đại thiên thế giới chúng sanh các loại vàng bạc bảy báu, lại hơn nữa, khiến cho đắc quả A-la-hán. Nếu đi đến phòng tăng trong khoảnh khắc nghe kinh Pháp Hoa, thì đời đời được cưỡi các xe bảy báu xe voi ngựa cho đến nghe pháp ở cõi trời. Nếu lại chia chỗ ngồi để cho người khác nghe, thì đời đời được ngồi ở chỗ Phạm vương và Đế-thích. Nếu khuyên người đến nghe Pháp Hoa, thì đời đời thường sinh một chỗ với Bồ-tát Đà-la-ni, không hề bị cảm ngọng, cho đến tương lai gặp Phật nghe pháp tin nhận lời Phật dạy. Phẩm Pháp Sư Công Đức chép: “Như người Thiện nam! Người Thiện nữ thọ trì kinh Pháp Hoa này, hoặc đọc hoặc tụng, hoặc giảng nói hoặc ghi chép, thì mắt người này sẽ được tám trăm công đức tai được. Một ngàn hai trăm công đức mũi được, tám trăm công đức lưỡi được. Một ngàn hai trăm công đức thân được, tám trăm công đức ý được, một ngàn hai trăm công đức . Các công đức ở sáu căn như thế đều được thanh

tịnh.” Cho đến phẩm Phổ Hiền chép: “Nếu đời sau có người thọ trì đọc tụng kinh này thì người này không còn tham đắm y phục, giường ghế, thức uống ăn và các vật dụng nuôi sống khác, mọi sở nguyện đạt được đều không lưỡng dối, ở trong hiện đời lại được phước báu.” Thế nên trong kinh Di Giáo nói: Người đáng được độ đều đã độ hết, người chưa được độ đều đã làm nhân duyên để được độ.” Do đây mà nói kinh này, cho đời sau làm được lợi ích lớn. Đó gọi là vì lợi ích mai sau mà Phật nói kinh này.

Nói về hiển thời cơ có hai: Một là hiển thời, hai là hiển cơ.

Hiển thời: Chư Phật nói giáo, đều lược có hai loại. Một là đốn, hai là tiệm. Đốn là chỉ cho các bậc đại cơ. Đốn là từ phạm phu để cầu Phật đạo. Như trong kinh Thắng man nói về Nhất thừa, Nhất thừa là quyền, bốn thừa là thật. Tiệm tức là căn cơ của kia từ nhỏ cho đến lớn. Trong kinh này nói về Nhất thừa, Nhất thừa là thật Nhị thừa là quyền, nên phần nhiều từ Nhị thừa để cầu Phật đạo, phần nhiều thuộc về Đại thừa tiệm giáo. Các sư xưa giải thích rằng: Giáo có năm thời:

- Thời thứ nhất là từ lúc Phật mới thành đạo vì năm trăm người đi buôn, chỉ nói ba quy năm giới cấm, mười điều thiện nhân quả ở thế gian, tức là kinh năm giới bốn hạnh, vì chưa có pháp khí gốc lành xuất thế.

- Thời thứ hai: Phật thành đạo sau hai mươi một ngày, trong mười hai năm chỉ nói giáo ba thừa hành “Hữu”, chưa vì thuyết “không”. Tức là các kinh Tiểu thừa như A-hàm.

- Thời thứ ba: Sau khi Phật thành đạo trong ba mươi năm, nói ba thừa đồng hành không giáo, tức là các kinh: Duy-ma, Tư Ích, Đại Phẩm.

- Thời thứ tư: Phật thành đạo trong vòng bốn mươi năm, có nói Nhất thừa, nhưng vẫn chưa giảng nói về Phật tánh thật tướng thường trụ một cách rõ ràng, còn nói về quả Phật vô thường, cho là chân thật. Tức là các kinh Pháp Hoa, vô Lượng Nghĩa. Vì từ trước chưa nói nghĩa Nhất thừa, nên trong đây còn chưa giảng nói Phật tánh thường trụ một cách rõ ràng.

- Thời thứ năm: Trong rừng Song lâm, Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh thường trụ. Tức nói các kinh: Niết-bàn, Đại Bi v.v... Xem qua thì có thể như vậy mà lý thì không như vậy. Nghĩa là kinh nói năm trăm người đi buôn trước khi thọ năm giới phải sám hối các tội ngũ nghịch thập ác báng pháp, đắc bốn đại bốn tịnh, năm ấm bốn tịnh, lục trần bốn tịnh, ngã của ta bốn tịnh. Tức là đắc bất khởi pháp nhãn. Ba

trăm người đi buôn đắc nhu thuận nhĩn. Hai trăm người đi buôn đắc quả Tu-đà-hoàn. Bốn thiên vương đắc nhu thuận nhĩn. Ba trăm Long vương đắc Tín nhĩn, còn lại các vị Trời người đều phát vô thượng đạo ý. Mười ức Trời người đều thực hành mười điều thiện của Bồ-tát. Tức là: Trưởng giả diệt khổ đắc ba cõi bất khởi pháp nhĩn. Tức từ Sơ địa đến Bát địa.

- Lại trong kinh Phổ Diệu chép: Tuần lễ thứ hai năm trăm người đi buôn dâng cháo mật cúng dường Phật. Phật liền thọ ký. Các ông ở đời sau được thành Phật hiệu là Tề Thành. Vì sao chỉ nó đệ nhất chỉ là giáo Thế gian. Nhưng vì ngày nay còn chưa rõ ràng nói hàng ba thừa đồng chỗ quán đế. Cho nên chưa gọi là xoay bánh xe. Đến khi có năm Tỳ-kheo thì mới gọi là xoay bánh xe.

Kế đến nói thời thứ hai trong mười hai năm chỉ nói “hữu giáo”. Giác ái hỏi rằng: Sau khi thành đạo năm năm Phật nói Đại Bát-nhã chính là nói thật tướng. Lại năm thứ bảy vì tám vị Bồ-tát nói kinh Ban Chu Tam-muội, chính là nói năm ấm chúng sanh vốn không. Lại đến năm thứ chín nói kinh Ương-quật-ma-la Tam-muội. Trong năm thứ mười nói kinh Như lai Tạng, đều nói rõ lý Phật tánh Niết-bàn sâu xa. Lại kể rằng: Kinh Phổ Diệu cũng nói Bồ-tát hạnh, cũng thọ ký người đi buôn thành Phật. Lúc Phật mới thành đạo đã nói Đại thừa. Lại lúc thành đạo khoảng mười bốn ngày nói kinh Thập Địa. Lại kinh Đại Bát-nhã chép: Phật tại vườn Lộc giả, xoay bánh xe tứ đế, có vô lượng chúng sanh phát tâm Thanh văn, vô lượng chúng sanh phát tâm Độc giác. Vô lượng chúng sanh phát tâm A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề, hành lục Ba-la-mật. Vô lượng Bồ-tát đắc vô sanh pháp nhĩn, trụ ở Sơ địa Nhị địa, Tam địa... cho đến Thập địa. Có vô lượng Bồ-tát Nhất sanh bồ xứ đều đồng thành Phật. Vì sao lại nói vào thời thứ hai chỉ nói ba thừa hữu giáo. Như thế đủ biết một trận mưa cây cỏ thấm nhuần không đồng. Không thể nói Phật giáo là có trước sau. Nay nương vào nghĩa xưa tạm phá hai thời, ba thời, còn lại cũng phá như vậy. Chỉ sợ văn rườm rà nên lược bớt không nói. Nếu theo Kinh mới, thì Đại thừa Đốn giáo chỉ có một thời, cùng với một đại cơ mà không khởi theo tiểu cơ. Giáo bao trùm chỉ có một, cho nên dần dần đại giáo mới có ba thời. Trong kinh Giải Sâu kín Phật vì Bồ-tát Thắng Nghĩa Sanh, y theo ba tánh mà nói ba vô tánh, đều là Biến kế sở chấp. Bồ-tát Thắng Nghĩa sanh lãnh giải sâu xa, liền nói rộng các kinh: Thế Gian Tỳ Thấp Phước Dực Tạng Thái Thơ, Địa Thục Tô Hư Không, và các Thí Dụ rồi. Đức Thế tôn ngợi khen là khéo giảng nói. Thắng Nghĩa Sanh bạch rằng:

- Phật ở vào thời thứ nhất, ở cõi vị Tiên Ba-la-tư-đà, rơi đọa vào

trong rừng Thi lộc, chỉ vì phát tâm tu Thanh văn thừa, tức là dùng tướng Bốn đế xoay bánh xe chánh pháp. Tuy là pháp rất đặc biệt ít có ở thế gian không ai có thể xoay được, nhưng lúc ấy sự xoay bánh xe này còn có pháp vượt hơn, còn có chỗ chấp thọ là chưa rõ nghĩa là các tranh luận về chỗ đặt chân. Đức Thế tôn khi xưa vào thời thứ hai, vì những người phát tâm tu Đại thừa, nương vào tất cả pháp đều không có tự tánh, vô sanh, vô diệt, tự tánh xưa nay vắng lặng Niết-bàn, dùng tướng ẩn mặt mà xoay bánh xe chánh pháp. Tùy càng đặc biệt càng ít có, mà lúc ấy sự xoay bánh xe này cũng là có chỗ chấp thọ. Còn chưa rõ nghĩa, cũng có các tranh luận về chỗ đặt chân. Trong thời thứ ba, Đức Thế tôn vì tất cả chúng sanh phát tâm hướng Đại thừa, y theo tất cả pháp đều không có tự tánh, vô sanh, vô diệt, xưa nay tự tánh Niết-bàn vắng lặng, không có tánh tự tánh, dùng hiển liễu tướng xoay bánh xe chánh pháp. Là pháp đặc biệt ít có bậc nhất là đức Thế tôn xoay bánh xe vô thượng, không có chỗ chấp thọ, là liễu nghĩa chân thật, chẳng phải là các tranh luận về chỗ đặt chân. Theo văn kinh này thì kinh A-hàm là thời thứ nhất, thậm nói chung về hữu mà không nói hữu ấy có tính gì? Kinh Đại Bát-nhã v.v... là thời thứ hai, thậm nói chung về không, chẳng nói không cũng không có tánh gì?

- Kinh Hoa Nghiêm v.v... là thời thứ ba. Nói về hữu, hữu y tha, viên thành. Cũng nói rõ thuyết không, không chỗ chấp tánh. Vậy nên trong kinh Thiện Giới chép: Hữu vi, vô vi đều gọi là hữu. Ngã và ngã sở đều là không.

- Kinh Kim Quang Minh cũng nói ba pháp luân, đó là chuyển, chiếu, trì. Chuyển pháp Tứ đế, dùng không chiếu hữu, phi hữu phi không đều có thể gìn giữ. Kinh Niết-bàn cũng nói: Đầu tiên có y sư (thầy thuốc) bảo người uống sữa. Do chỉ uống sữa nên trong nước nhiều người chết. Sau có một thầy thuốc khác nói sữa là độc tố khuyên mọi người không nên uống. Sau đó vua có bệnh hỏi thầy thuốc nên uống gì. Thầy thuốc bảo hòa thuốc với sữa. Vua nổi giận hỏi: Trước kia người nói sữa là độc dược, sao nay lại bảo đem hòa thuốc với sữa uống.

Thầy thuốc đáp: Trước vì chỉ uống sữa nên nhiều người chết. Vì chỉ thường uống một chất như thế nên nói là chất độc, vì sợ người không bỏ được mới nói vậy để cho bỏ. Xét theo lý thật thì có bệnh nên uống, bị bệnh lại không nên uống. Vua bệnh này thì nên pha thuốc với sữa uống mới thích hợp.

Phật nói: Pháp của ta cũng giống như vậy. Kinh Pháp Hoa cũng chép: Khi chúng con diệt được bên trong tự cho là đủ, chỉ hiểu việc này

mà không hiểu việc khác, đây là thời giáo ban đầu. Nếu chúng con nghe cõi Phật thanh tịnh giáo hóa chúng sanh đều không ưa thích. Đây là thời giáo thứ hai. Phật cũng như thế hiện ra các việc ít có, biết chúng ưa pháp nhỏ, nên dùng năng lực phương tiện điều phục tâm rồi mới dạy cho trí lớn. Hôm nay chúng ta được điều không hề có, chẳng phải là điều mong cầu trước kia mà nay tự được. Đây là thời giáo thứ ba. Cũng đồng với ba thời giáo như Kim Quang Minh, Giải Sâu kín, v.v... Nếu dùng căn cơ thiên viên thích nghi tiệm thứ thì giáo chỉ có ba thời chẳng phải là một hay năm thời... thì không đáng khó vì một trận mưa khắp thấm nhuần cả ba loại cỏ khác nhau. Giáo chỉ có một thì căn cơ đốn ngộ chứng chỉ một quả. Nghĩa là nương vào lý này thì không có giáo ba thời. Nếu căn cơ theo thứ lớp thành tựu tức từ Đại cơ theo Tiểu cơ sanh giáo thì nhất định có ba, là do ứng cơ mà nói. Dùng lý hội giáo thì gọi là một trận mưa. Đem giáo ứng căn cơ thì nói pháp ba thừa. Hoặc ba hoặc một lý vẫn không trái nhau. Kinh này ba lần nói Nhất thừa, phần nhiều bao gồm Thanh văn. Trước nói Bát-nhã đã dạy về “Không”, phá trừ bệnh “Hữu”, chúng Thanh văn đã tín hiểu rồi không còn ngu pháp. Nay nói thời thứ ba là để cho họ trở về một hướng cũng hóa độ người đốn ngộ nhờ đây được phát tâm đến trong phần lưu thông chứng đạt vô sanh vậy. Như trước nói đây cũng chung cho đốn giáo, thế nên biết một trận mưa, sự lợi ích đều khác nhau. Vì để hiển bày giáo lý chân thật của thời thứ ba, cho nên nói kinh này.

Hiển cơ: Theo kinh Niết-bàn chép: Chỉ có một căn cơ. Tiếng rống Sư tử là nói sự quyết định. Tất cả đều có Phật tánh. Lại nói chúng sanh cũng giống như vậy, thủy đều có tâm. Hễ người nào có tâm đều đắc quả Chánh đẳng chánh giác. Kinh này cũng nói: Trong cõi Phật mười phương chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba, trừ khi Phật dùng phương tiện nói. Chỉ giáo hóa Bồ-tát, không có đệ tử Thanh văn... Nếu Thanh văn hoặc Bồ-tát nghe ta nói pháp thì đều thành Phật.” Theo đây nói thì chỉ có một tánh Đại thừa. Kinh này đã nói Nhất thừa tức bao gồm căn tánh Đại thừa kia. Nhưng tánh có hai:

- 1) Lý tánh như kinh Thắng man nói Như lai tạng.
- 2) Hành tánh như kinh Lăng-già nói Như lai tạng.

Tánh trước đều có mà tánh sau hoặc là không, nói có Như lai tạng mà không nói thành Phật. Theo kinh Thiện Giới, và luận Địa Trì chỉ nói có hai trường hợp:

- 1) Có chủng tánh
- 2) Không có chủng tánh.

Kinh luận nói tánh chủng tánh là pháp vô tử như vậy, sáu chỗ thù thắng xoay vần nối nhau. Đây là dựa theo hành tánh mà có chủng tánh.

Không có chủng tánh là người không có chủng tánh. Tuy có phát tâm siêng năng tinh tấn, nhưng không bao giờ đắc Vô thượng Bồ-đề, mà chỉ thành tựu gốc lành trời người tức là không có chủng tánh. Kinh luận này y theo người có chủng. Không phải người không có chủng tánh tức dựa vào hành tánh mà nói có, không. Phần nhiều văn dưới đều nương vào hành tánh mà nói lý tánh đều có khắp, nhưng dựa vào có chủng tánh chẳng phải không có hơn, kém khác nhau.

Nhiếp luận của ngài Thiên Thân cũng chép:

- Thượng thừa hạ thừa có khác nhau, Thanh văn, Bồ-tát đều có chia ra ba tạng. Lại những nơi khác đều nói trong mười lực Như lai có trí lực thượng, hạ căn. Đây tức là Bồ-tát tạng Thượng thừa thu nhiếp Thượng căn. Cho nên dựa vào có thì chẳng phải không, dựa vào khác thì chẳng phải đồng, vì thế dùng chung mà y cứ riêng. Kinh này lại nói: Vì người cầu Thanh văn mà Phật nói pháp Tứ đế. Vì người cầu Duyên giác mà nói pháp mười hai nhân duyên. Vì người cầu Bồ-tát mà nói sáu pháp Ba-la-mật, kinh này nói Nhất thừa, tức là vì người cầu Bồ-tát mà nói sáu pháp Ba-la-mật. Trong phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương có tám muôn bốn ngàn người xa lìa bụi nhỏ, cũng có thể nói bên cạnh đó người Thanh văn cũng có lợi ích. Có, không đều là phân biệt của Đại Tiểu thừa. Dựa vào đồng chẳng phải khác dùng riêng mà nhiếp chung. Kinh Niết-bàn chép: Ví như người bệnh có ba loại:

1) Gặp thầy thuốc hay không gặp thầy thuốc, quyết định có thể hết bệnh, tức Bồ-tát.

2) Gặp thì sửa, không gặp không hết bệnh, tức là Nhị thừa.

3) Gặp hay không gặp quyết định cũng không hết bệnh là Nhất xiển đề.

Kinh này cũng nói: Luân vương, Thích, Phạm là cỏ thuốc nhỏ. Thanh văn, Duyên giác là cỏ thuốc vừa. Bồ-tát Đại tiểu là cỏ thuốc lớn. Thứ lớp tùy nghịch cũng đồng với kinh Niết-bàn. Nay kinh này chỉ bao gồm người có tánh Bồ-tát. Trước tuy làm Thanh văn, nhưng sau là Bồ-tát. Lại cũng có thể nói có cả Thanh văn như trước đã nói dựa vào có chẳng phải không mà chung riêng khác loại.

Lại trong Đại Bát-nhã, Bồ-tát Thiện Dững mãnh nói: cúi mong Đức Thế tôn! Thương xót chúng con mà giảng nói cảnh trí đầy đủ của Như lai. Nếu có hữu tình giống như Thanh văn thừa có tánh quyết định,

nghe pháp này rồi có thể chứng đắc địa vô lậu của thừa mình. Đối với Độc giác thừa tánh quyết định, nghe pháp này rồi mau nường vào chính thừa mình mà được xa lìa. Người có tánh quyết định Vô thượng thừa nghe pháp rồi mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Nếu có hữu tình tuy chưa và đã nhập vào chánh tánh ly sanh, mà đối với ba thừa tánh bất định đó, nghe pháp này rồi đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Các luận tuy nói Thánh vị mà cũng có hồi tâm. Nay nói không thọ được biến dịch sanh tử vì hồi tâm. Nói chưa nhập vào chánh tánh ly sanh, kinh này bao gồm người Đại thừa định tánh, Thanh văn định tánh và bất định tánh, như trước đã có dẫn ra.

Lại trong kinh Thắng man chép: Ví như mặt đất có bốn gánh nặng: Một là Đại hải, hai các ngọn núi, ba là cây cỏ, bốn là chúng sanh. Người Thiện nam nhiếp thọ chánh pháp cũng như thế. Có thể gánh vác bốn nhiệm vụ nặng nề, đó là đối với chúng sanh lìa Thiệt tri thức không nghe phi pháp thì dùng gốc lành trời người mà thành tựu họ. Người cầu Thanh văn thì trao cho Thanh văn thừa. Cầu Duyên giác thì trao cho Duyên giác thừa. Cầu Đại thừa thì trao cho Đại thừa. Đây có thể là hạng tánh Đại thừa và Thanh văn không phải hai loại tánh còn lại. Y theo có chủng tánh chẳng phải không có, mà chung riêng khác loại hiện tại, tương lai không có.

Kinh Lăng-già chép: Phật bảo Đại Tuệ: Có năm loại tánh chứng pháp:

- 1) Tánh của Thanh văn thừa.
- 2) Tánh của Bích-chi-phật thừa.
- 3) Tánh của lai thừa.
- 4) Tánh của Bất định thừa.
- 5) Là Vô tánh, đó là nhất xiển đề.

Đây có hai loại:

- 1) Là thiêu đốt tất cả gốc lành. Tức chê bai Bồ-tát tạng.
- 2) Là thương xót tất cả chúng sanh thành Phật nguyện độ hết tất cả chúng sanh. Đó là Bồ-tát. Nếu chúng sanh không nhập Niết-bàn, ta cũng không nhập.

Đại Tuệ bạch rằng: Vì sao cả hai thường không nhập Niết-bàn.

- Phật bảo: Bồ-tát thường không nhập Niết-bàn. Chẳng phải vì thiêu đốt tất cả căn lành. Vì biết các pháp xưa nay vốn là Niết-bàn, nên không lìa bỏ chúng sanh. Kinh này bao gồm chúng Thanh văn và tánh của thừa Như lai, tánh của thừa bất định, và hàng Bồ-tát Đại bi trong

nhất xiển đề. Chẳng phải vì tánh Độc giác và người dứt gốc lành, nên có, không chừng tánh đều nói chung, riêng đều khác loại. Hiện dứt mà cuối cùng không dứt. Lại nữa, luận Đại Trang Nghiêm nói: Có năm loại tánh: Bốn loại đầu giống như kinh Lăng-già nói. Loại thứ năm có hai: Một là thời biên, hai là tất cánh. Thời biên tức là tạm thời. Tất cánh là không có nhân kinh này bao gồm bốn loại trước, ngoại trừ Độc giác và tánh thứ năm. Nương vào có và không, cho nên thành, không thành. Thông biệt khác loại.

Kinh Du-già lại nói có năm thứ tánh: Bốn loại trước đồng như trước, loại thứ năm chỉ gọi là vô chủng tánh, kinh này bao gồm kinh đồng với luận trang nghiêm nói. Nếu lấy Nhất thừa làm tông, thì chỉ lấy tánh Bồ-tát mà không vì căn tánh Thanh văn. Một trận mưa gọi nhuần cả ba thứ cỏ khác nhau. Có thể vì chúng Thanh văn như trong kinh Du-già nói. Đạo Vô gián có thể xa lìa trần, đạo giải thoát có thể xa lìa hết cấu, chứng được thắng trí này thì gọi là pháp nhãn tịnh. Tức đắc quả Dự lưu kiến đế. Cho nên biết không phải nói Nhất thừa cũng bao gồm căn cơ Thanh văn. Kinh hội đã có nên thông suốt như thế. Vì thích nghi căn cơ nên Phật nói kinh này.

PHẦN II: Là nói tông chỉ bộ kinh: Ở đây các vị Tiên đức, phán chung kinh luận có bốn tông:

- 1) Lập tánh tông: Là luận Tạt tâm. Lập ra ngũ tụ pháp có thể tánh.
- 2) Phá tánh tông: Là luận Thành Thật, phá pháp hữu, thể, chỉ có tướng hữu.
- 3) Phá tướng tông: Là Bát-nhã... phá tướng trạng của pháp cũng thành không.
- 4) Hiển thật tông: Là Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa... hiển bày đạo nghĩa trung đạo chân thật. Kinh này chính là nằm trong tông thứ tư.

Lại trong kinh luận xưa về tôn chỉ có rất nhiều. Bốn bộ A-hàm cũ và luật Tăng-kỳ, là nghĩa của Đại chúng bộ. Tam Di Đế luận là nghĩa của Thượng tọa bộ, Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm. Phạm võng, Lục thập nhị kiến là nghĩa của chánh lượng bộ. Luật Tứ Phần là của tạng bộ. Các bộ kinh luận này thuộc về Tông nào. Nhưng văn kinh-thù Vấn và luận Tông Luân nói Tiểu thừa có hai mươi bộ là: Đại chúng bộ, Nhất Thuyết bộ, Thuyết Xuất Thế bộ, Kê Dẫn bộ. Đa Văn bộ, Thuyết Giả bộ, Chế Đa Sơn bộ. Tây Sơn Trụ bộ, Bắc Sơn Trụ bộ. Thuyết Nhất Thiết Hữu

bộ, Tuyết Chuyển bộ. Độc Tử bộ, Pháp Thượng bộ, Hiền Vi bộ, Chánh Lượng bộ, Mật Lâm Sơn bộ, Hóa Địa bộ, Pháp Tạng bộ, Âm Quang bộ, Kinh Lượng bộ, hợp với hai pháp Đại thừa thành hai mươi hai tông. Nay y theo văn phán giáo thì giáo chỉ có ba: Nếu lấy loại y theo tông, thì tông có tám. Ba giáo là:

1) Đa thuyết hữu tông. Các bộ A-hàm v.v... là nghĩa Tiểu thừa. Tuy nói nhiều về hữu mà chẳng trái với không.

2) Đa thuyết không tông: Trung luận Bách luận, luận Thập nhị môn, Bát-nhã v.v... Tuy nói nhiều về không mà cũng chẳng trái với hữu.

3) Phi không phi hữu tông: Kinh Hoa Nghiêm, Sáu kín, Pháp Hoa v.v... nói hữu vi vô vi đều gọi là hữu.

Ngã và ngã sở đều gọi là không. Ba giáo này như văn trước. Tông có tám là:

1) Ngã pháp câu hữu, như Độc tử bộ v.v...

2) Hữu pháp vô ngã: như Tát-bà-đa v.v...

3) Pháp vô khứ lai: như Đại chúng bộ...

4) Hiện thông giả thật: như Thuyết giả bộ.

5) Tục vọng chân thật: như Thuyết Xuất thế bộ v.v...

6) Chư pháp dẫn danh: như Thuyết Nhất bộ v.v...

7) Thắng nghĩa đều không: như Kinh Bát-nhã v.v... Trung, bách luận của ngài Long Thọ.

8) Ứng lý viên thật: Đây là các bộ Pháp Hoa, các thuyết trung đạo giáo của ngài Vô Trước nghĩa của luận Thành thật nghĩa kinh bộ sư y cứ. Tức là Hiện Thông giả thật thứ tư. Tuy nghĩa có khác nhau mà hợp lại có hai mươi hai. Theo lý thì hoàn toàn sai, chẳng có gì ngoài tám điều trên. Nhưng kinh Pháp Hoa chép:

- Như lai dùng một lời mà giảng nói vô biên biểu khế kinh.

Kinh Vô Cấu Xứng chép: Phật dùng một âm thanh mà giảng nói pháp. Chúng sanh tùy loại đều được liễu ngộ.

- Kinh Vô Lượng Nghĩa chép: Ta thành đạo đến nay hơn bốn mươi năm, thường nói các pháp bất sanh, bất diệt, bất khứ, bất lai, không đây, không kia, không đắc, không mất. Tất cả đều vô tướng, nhưng do sự ngộ liễu của chúng sanh không đồng nên đắc quả có khác.

Kinh Pháp Hoa cũng chép: Một trận mưa gội nhuần cỏ cây sanh trưởng không đồng.

- Kinh Ưu-bà-tắc giới chép: Ba con đường qua sông, cạn sâu đều khác nhau.

Nhiếp luận cũng nói: Như trống trời, Mạt-ni, không suy nghĩ mà thành ra tự sự. Cho nên biết các giáo nghĩa vốn không khác nhau. Do căn cơ không đồng, nên chia ra giáo nghĩa Đại Tiểu đốn tiệm. Kinh này tạm đương là giáo tiệm đại thừa. Đây là nương vào việc hóa dụ Thanh văn mà quy về Đại thừa nên gọi là Tiệm. Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bồn Sự nói tám muôn bốn ngàn người được xa lìa bụi nhơ, đắc pháp nhân thanh tịnh, tức là sơ quả.

Trong phẩm Thọ Lượng chép: số chúng sanh phát tâm như cát bụi của tám thế giới Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong phẩm Phổ Môn, có tám muôn bốn ngàn chúng sanh đều phát tâm Chánh vô đẳng Chánh Giác Vô thượng, tức có thể thành đốn giáo. Cho nên biết đốn tiệm không có giáo môn riêng, mà chỉ tùy cơ chia ra, nên ở đây chung cả hai. Hai giáo bán mãn. Mãn tông thâm nhiếp. Sanh không pháp không thông nhiếp cả hai giáo. Hữu tác, vô tác xuyên suốt cả hai môn. Thế tục, Thắng Nghĩa tùy theo cảm ứng mà chia làm hai. Tuy biết là chung nghĩa chỉ tông như thế mà tùy riêng nêu ra Nhất thừa chính là Tông. Vì thế văn dưới nói: Nay kinh này chỉ nói Nhất thừa, mà xưa ở trước Bồ tát chê trách Thanh văn chỉ ưa thích pháp tiểu thừa nhưng thật ra Phật nói pháp Đại thừa để giáo hóa các đệ tử. Cho nên ở đây lấy Nhất thừa làm tông. Nghĩa Nhất thừa đến phần vì một đại sự nhân duyên ở trong phẩm Phương tiện, sẽ phân biệt rõ.

PHẦN III: là giải thích được tên kinh phẩm : Đề mục của kinh là: kinh Diệu Pháp Liên Hoa . Tiếng Phạm: Tát-đạt-ma Bôn-trà-lợi-ca Tố-đát-lãm.

Chữ Tát nghĩa là chánh Diệu nên Ngài Pháp Hộ dịch là chánh Pháp Hoa; ngài La-thập dịch là Diệu Pháp Liên Hoa. Đạt-ma là pháp. Bôn-trà-lợi-ca là Bạch Liên Hoa. Bên Tây Vực gọi Hoa sen trắng là Bôn-trà-lợi-ca. Cho nên trong kinh này mới nói: Bốn sắc hoa sen là xanh, vàng, đỏ, trắng. Gọi là Uất-bát-la hoa, Câu-mưu-đà hoa, Bát-đặc-ma hoa, Bôn-trà-lợi hoa. Như thứ lớp kết hợp Chữ Liên là phù-cử. Hoa là hoa mỹ. Tố-đát-lãm là kinh. Theo nghĩa nên gọi là: kinh Diệu Pháp Bạch Liên Hoa, cho nên trong văn dưới nói: Phật phát ra ánh sáng từ sợi lông trắng, xe thì dùng trâu trắng. Màu trắng là màu căn bản trong các màu. Nhất thừa là thừa căn bản của các thừa. Trong bản tiếng Phạm không phân biệt chữ bạch, nên gọi chung là Liên Hoa. Nhưng trong kinh này, Xá-lợi-phất ba lần thỉnh người xấu ác rời khỏi chỗ ngồi. Sau đó Phật mới nói, ý chỉ Nhất thừa sâu xa, phần nhiều nương vào lý trí nhân

quả để gọi là Pháp Hoa, khai tri kiến Phật. Cả hai đều khen ngợi hiển lý, trí hai thân pháp, báo hai loại Vô thượng khiến sanh ưa thích hưởng đến chỉ cho biết tri kiến Phật là lý pháp thân. Chỉ cho biết là đồng với Phật để chứng. Ngộ tri kiến Phật là trí báo thân, khuyên người tu ngộ. Ba loại trên đây, khen ngợi nói rõ quả của Phật hai thân pháp báo. Hai lý trí Niết-bàn Bồ-đề đã xong. Nhập tri kiến Phật là hai nhân này. Hành nhân Nhất thừa, hưởng về cực quả. Cho nên đồng ban cho xe trâu là nhân Nhất thừa được như thừa ấy cùng với các con, kiếp số ngày đêm tự tại du hý chính là nhân thừa. Trừ bỏ hóa thành đất đến đảo châu báu đó là quả Nhất thừa. Kinh Đại Niết-bàn gọi là đảo châu báu. Đây cùng ba loại trung biên Vô thượng, cũng không trái nhau. Giáo năng thuyên gọi là quyền phương tiện trí tuệ sở thuyên gọi là thừa chân thật. Trong thừa chân thật muốn Nhị thừa hành nhân đến quả nên nói nhân quả gọi là Pháp Hoa. Vì thế luận này giải thích phẩm Phương tiện rằng: Từ đây trở xuống là nói về tướng nhân quả. Do đó mà nói hành quả Nhất thừa gọi là Pháp Hoa. Nếu theo luận giải kinh Vô Lượng Nghĩa có mười bảy tên gọi, thì tên gọi thứ mười sáu gọi là Diệu Pháp Liên Hoa. Liên Hoa có hai nghĩa:

1) Nghĩa lên khỏi mặt nước: Theo lý sở thuyên là ra khỏi dòng nước vẫn đục của Nhị thừa.

2) Nghĩa mở bày: Dùng ngôn giáo cao quý mà mở bày chân lý. Nghĩa trước là lý diệu, nghĩa sau là giáo diệu... Lại trong các tên gọi thì tên gọi thứ mười bốn, cũng gọi là Nhất thừa, cho nên biết Pháp Hoa cũng có cả giáo và lý, Phật muốn các Bồ-tát quán xét căn cơ trao đạo, nên nói và giáo lý, chính gọi là Vô Lượng Nghĩa. Ngoài ra cũng gọi là Pháp Hoa, như phẩm Phương Tiện chép: “Trí tuệ Chư Phật sâu xa vô lượng, môn trí tuệ này khó hiểu khó vào,” Luận tự giải thích rằng: Có hai nghĩa sâu xa:

1) Là chứng sâu xa: Nghĩa là chỗ chứng trí tuệ của Phật.

2) A-hàm sâu xa: Nghĩa là môn trí tuệ, tức giải thích giáo kia. Muốn rũ bỏ Nhị thừa khiến sanh tâm kinh nghi. Từ định vô Lượng Nghĩa xứ mà khởi, ban đầu dùng giáo lý gọi là Pháp Hoa. Xét chung các văn kinh, y theo vào thật pháp mà nói thì giáo lý hạnh quả cũng là Nhất thừa, đều gọi là Diệu Pháp Liên Hoa. Diệu pháp giáo, lý như trước đã nói. Hành diệu pháp đó: Trong luận giải thích nhập Phật tri kiến nói rằng:

- Khiến chứng địa không lui sụt, thị hiện cùng vô lượng trí nghiệp. Đây chính là nhân thừa của quả Phật. Trong phẩm Thí Dụ chép: Thân

tay ta có sức, nên dùng tay áo bàn ghế mà ra khỏi nhà.

Lại nói: Chỉ có một cửa mà lại nhỏ hẹp.

Lại nói: Ta tuy ở trong cửa của ngôi nhà lửa thiêu đốt này mà an ổn được ra khỏi. Nhân hành của Đại thừa gọi là cửa, chính là nơi sở hành.

Nhân bi trí của Nhị thừa, dẫn dụ gọi là tay áo bàn ghế, tùy nghi mà ra. Trên nói ba thừa còn ở nhà phần đoạn ba cõi, nên chưa có từ ngữ cho xe.

Lại nói: Được xe như thế, để cho các con, ngày đêm kiếp số thường được dạo chơi. Cho các Thanh văn và Bồ-tát cưỡi xe báu này, thẳng đến đạo tràng. Vậy đủ biết nhân hạnh vô lậu ra khỏi nhà lửa thế gian là Nhất thừa, tự tại không ràng buộc không có chỗ nương cầu. Nên trong phẩm Phương tiện chép: Hành trì hết vô lượng Đạo pháp của Chư Phật.

Luận chép: Tu hành sâu xa, cho nên biết tu hành quả Phật năng thành cũng gọi là Pháp Hoa.

- Quả Diệu pháp là: Luận giải thích khai thị ngộ nói là nghĩa vô thượng, nghĩa nhân đồng, nghĩa bất tri. Tức là Niết-bàn, Bồ-đề quả Phật. Văn kinh dưới nói: Tướng các pháp vắng lặng không thể dùng lời mà giảng nói. Cho nên biết quả Phật chân lý cũng gọi là Nhất thừa. Lại chép: Vì nói trí tuệ Phật, nên Chư Phật xuất hiện ở đời. Cho nên biết quả Phật chánh trí cũng gọi là Nhất thừa. Do đây mà gọi chung là Đại thừa giáo lý hạnh quả đều có đức của hoa sen là khỏi dòng nước đục Nhị thừa. Giáo có thể phơi bày ra công năng của diệu lý. Lý có năng lực đưa lên khỏi nước. Hành có nhân mở bày hưởng đến tướng quả. Quả có kết trái là năng của nhân. Cho nên pháp nhờ dụ mà rõ, sự mâu nhiệm do chấp trước hiển lộ. Cho nên mượn hoa hạt Bôn-trà-lợi ví cho nhân quả Tát-đạt-ma. Pháp đã bao gồm bốn nghĩa. Hoa cũng bao gồm bốn đức. Pháp có bốn nghĩa là khế hợp chỗ vi mật của bí tạng (là Giáo); Hòa huyền chỉ u cơ (là Lý), thành tựu nghĩa sâu xa thượng thừa (là Hành), viên mãn chân tông chí giác (là Quả). Đẹp mà không cạn kiệt thì gọi là diệu.

Bốn nghĩa của hoa là: Cánh nở ra thì thấy sen, so sánh giáo để vượt lên giác ngộ. Hoa sen vươn lên từ ao lầy là dụ cho lý vượt lên các loài sen nhỏ. Nếu hoa nở mà đặc quả là thí dụ cho nhân nghiêm mà quả mãn. Nêu hạt kết là căn bản hoa hiển bày trí Phật là nguồn gốc thừa. Thế nên mượn hoa sen dẫn dụ là có nguyên nhân. Y theo lý này mà nói bốn pháp như hoa cũng là ứng là thẳng. Nhưng xét ý kinh tuy có đủ bốn

mà ý phẩm Phương Tiện nêu giáo quyền ngày trước nói là ba, nay trong hội này lý thật chỉ có một. Phật đặc pháp sâu xa khó hiểu. Có chỗ nói ý đường khó biết. Cho nên dùng trí Phật dẫn dụ Nhị thừa. Hai pháp: Giáo, lý để dụ cho hoa sen. Dứt bỏ Nhị thừa kia đạt đến chân thánh là đồng giữ Nhất thừa, khiến cho những kẻ giả Thánh phải rời chỗ ngồi bỏ đi. Ba lần thỉnh sau đó mới cho là chánh nói một việc nhân duyên lớn làm chánh thể Pháp Hoa. Tức lấy hành quả để làm Pháp Hoa, khai thị ngộ làm quả, nhập để làm nhân hạnh, nên Vô Lượng Nghĩa là giải thích hoa sen vươn lên khỏi nước có hai nghĩa:

1) Không thể hiểu rõ đốn ngộ tánh Bồ-tát ra khỏi Nhị thừa.

2) Dụ cho Thanh văn nhập vào chúng, nương vào giáo kia để quán lý Nhất thừa mà thành ra tiếm ngộ. Cũng như Bồ-tát thường ngồi trên tòa sen, bên vì Nhị thừa mà nói cả giáo lý, hoặc kinh Vô Lượng Nghĩa vì Bồ-tát mà giảng nói. Đối với tánh chúng sanh, muốn nói vô lượng, là để khiến cho Bồ-tát đem hai pháp giáo và lý để hóa độ căn cơ chúng sanh. Cho nên trong luận giải có mười bảy tên gọi chỉ dùng hai pháp giáo lý để giải nghĩa Liên Hoa. Kinh này là để hóa độ Nhị thừa phát tâm cầu học Đại thừa. Chỉ lấy hai pháp: Hạnh, quả để gọi hoa sen. Lại kinh này vì hóa độ Nhị thừa trở về Đại thừa, để họ biết giáo quyền, lập ra ba mà lý thể chỉ là một, phát tâm tu hành cuối cùng thành quả Phật. Vậy nên giáo lý hành quả đều gọi là hoa sen. Giáo hành đều khai mở, lý quả cùng lên khỏi nước. Trong mười bảy tên gọi ở dưới sẽ phân biệt rõ ràng. Nếu chỉ lấy chân như làm thể diệu pháp Nhất thừa thì hai nghĩa lên khỏi nước, mở bày cửa hoa sen thành ra thí dụ rộng mà pháp lại hẹp, lý hẳn là không đúng, huống chi trong luận giải thích tên gọi chẳng phải giải thích theo đây, pháp tức là diệu, là hoa của sen. Hai Giải thích là trì nghiệp thích, y chủ thích như thứ lớp cũng có thể được. Diệu của đại pháp là y chủ thích. Diệu pháp này như hoa sen cũng là trì nghiệp thích. Nay ở đây không muốn giải thích riêng hoa sen, nên không giải thích trái nhau. Nếu lý là Diệu, thì kinh chỉ là giáo. Nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa tức là y chủ thích. Diệu pháp là giáo, kinh cũng là giáo. Nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa là Trì nghiệp thích. Nếu Diệu pháp là lý, kinh cũng là lý. Nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa cũng là Trì nghiệp thích. Diệu pháp là giáo, kinh là lý, cũng là y chủ thích. Nương vào nghĩa thuận thể, nhân trong xứ, báo xuất thế. Y nhân y pháp. Y pháp y dụ, lấy đó làm tên như trong Tông luận nói. Nghĩa trong phẩm Tựa v.v... như âm huấn.

PHẦN IV: Nêu tên các phẩm kinh. Kinh có hai mươi tám phẩm là: Phẩm Tựa, phẩm Phương tiện, phẩm Thí Dụ, Tín Giải, Được Thảo

Dụ, Thọ Ký, Hóa Thành Dụ, Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký, Thọ Học Vô Học Nhân Ký, Pháp Sư, hiện Bảo Tháp, Đề-bà-đạt-đa, Khuyến Trì, An vui Hạnh, Tùng Địa Dũng Xuất, Như lai Thọ Lượng, Phân Biệt Công Đức, Tùy Hỷ Công Đức, Pháp Sư Công Đức, Thường Bất Khinh Bồ-tát, Như lai Thần Lực, Chúc Lụy, Dược Vương Bồ-tát Bốn Sự, Diệu Âm Bồ-tát, Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, Đà-la-ni, Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự, Phổ Hiền Bồ-tát Khuyến Phát. Các phẩm này gồm có bốn nhóm:

1) Một nghĩa làm tên thì có mười lăm phẩm.

2) Hai nghĩa làm tên có mười phẩm.

3) Ba nghĩa làm tên có một phẩm.

4) Bất định làm tên có hai phẩm:

- *Một nghĩa làm tên có mười lăm phẩm* lại chia làm bốn:

a. Từ pháp làm tên có bốn: Phẩm Phương tiện, Tín Giải, phẩm Trì, và Đà-la-ni.

b. Lấy dụ làm tên có ba: Phẩm Thí Dụ, Dược Thảo Dụ, Hóa Thành Dụ.

c. Từ người làm tên có bốn: Phẩm Pháp Sư, Đề-bà-đạt-đa, Thường Bất Khinh Bồ-tát, và Diệu Âm Bồ-tát. Còn phẩm Pháp sư là có Thầy của pháp tức từ người mà đặt tên. Pháp tức là thầy, lấy pháp làm thầy từ pháp mà đặt tên tùy theo đều được.

d. Từ Sự đặt tên có bốn: Phẩm Tựa, Thọ Ký, Tùng Địa Dũng Xuất, và Chúc Lụy.

- *Hai nghĩa làm tên có mười*. Trong đó lại chia làm ba:

a. Từ người và pháp đặt tên có tám: Phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký, Như lai Thọ Lượng, Pháp Sư Công Đức, Như lai Thần Lực, Dược Vương Bồ-tát Bốn Sự, Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự và Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát.

b. Lấy năng sở làm tên có một là phẩm Phân Biệt Công Đức.

c. Lấy nhân quả làm tên có một: là Phẩm Tùy Hỷ Công Đức.

- *Ba nghĩa làm tên có một*: là phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký. Ngũ Bách là Số. Đệ tử là người. Thọ ký là sự (việc) nên thành ba nghĩa.

- *Bất định làm tên có hai*: Phẩm An vui hạnh, và hiện Bảo Tháp; nghĩa an vui có cả nhân và quả. Nghĩa của kiến là có cả thấy và hiện.

An vui ở nhân, thấy là hiện, tức là một nghĩa đặt tên, hoặc ở quả thấy là thấy tức hai nghĩa đặt tên, suy nghĩ theo đây có thể hiểu nghĩa bất định. Vả lại, theo loại chung mà nói về sự đặt tên, còn cụ thể tên gọi

đến từng phẩm sẽ giải thích.

- **Phần V:** Là nêu sự phế lập của phẩm kinh: Xét căn bản kinh này là từ thời Tần Diêu Hưng. Ngài Cửu-ma-la-thập dịch hai mươi bảy phẩm, không có phẩm Đề-bà-đạt-đa. Sa-môn Đạo Tuệ ghi trong Tông Tề lục rằng: Trước có ngài Thích Pháp Hiến ở chùa Định Lâm đến nước Vu Diên được bản kinh Phạn có một phẩm này. Sa-môn Pháp Ý ở chùa Ngõa Quan vào tháng mười hai niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ tám đời Tề, dịch ra phẩm này, nhưng chưa xếp vào bộ kinh Pháp Hoa. Đến cuối đời Lương có Sa-môn Câu-na-la-đà ở nước Ưu-thiên-ni ở Tây Thiên-trúc. Câu-na-la-đà dịch là Gia Y, cũng âm là Bà-la-mạt-đa, dịch là Chân-đế. Ngài dịch ra phẩm này, bèn xếp vào sau phẩm “Hiện Bảo Tháp”.

Lại có Sa-môn Trúc Pháp Hộ ở Đôn hoàng vào đời Tấn Vũ dịch chánh Pháp Hoa, cũng xếp phẩm Đề-bà-đạt-đa sau phẩm Hiện Bảo Tháp. Bản của ngài La-thập thì không có. Xưa giải thích rằng: Ở Tây Vực phần nhiều không có phẩm này. Ở phương Đông lại có. La-thập ở tại nước Quy Tư dịch nên không có phẩm này. Nếu vậy thì ngài Pháp Hiến ở nước Vu-diên sao lại có được phẩm này. Nước Vu-diên cũng ở tại phương Đông. Lại có lời giải: Phẩm Hiện Bảo Tháp ra mệnh lệnh trì mà phẩm Trì vâng mệnh gọi là thế văn nói nhau, mà xen giữa phẩm Đề-bà-đạt-đa thì thế văn thưa, cách. Ngài La-thập sợ người sau mê hoặc nhiều nên lược bớt. Như vậy thì bỏ phần chân văn đều do ngài La-thập lược bỏ bớt.

Ngài Thích Đạo An vì thấy người dịch kinh phần nhiều lược bớt nên ngài soạn bài “Ngũ Thất Tam Bất Dị” nói rằng: Các vị La-hán cùng đua nhau kiết tập như thế, phàm phu đời mạt pháp bình bình nên như thế, ý sửa ngàn đời mà bày nói, đồng hạ mạt tục của trăm vua, há không thương xót sao! Cho nên, phẩm Thiên Thọ bản Phạn văn đều có. Lại nữa, phẩm Thiên Thọ hiển bày nghĩa xem trọng pháp làm căn bản, thế lực của kinh lớn từ cung rồng hiện lên. Trải qua uy lực của Long nữ mau thành Đạo nghiệp khen ngợi khuyến người. Sau phẩm này sao không có phẩm Trì! Nhưng biết các bản kinh Phạn đều có, mà bản của ngài La-thập lại thiếu là tùy theo bản dịch mà không có phẩm này. Đã chẳng thể lấy việc Đông Tây mà phán định thì cũng không thể đem nghĩa vượt qua bỏ bớt. Chỉ là bản của ngài La-thập bị thất thoát vì các nước biên địa thường hay thất lạc. Lại phẩm Chúc Lụy trong kinh này đặt sau phẩm Thần Lực. Người xưa có giải thích rằng: Ngài La-thập khéo được ý kinh, cho nên không đặt ở cuối kinh mà đặt ở trước. Vì

trong phẩm Chúc Lụy khiến các phân thân của Phật đều trở về nước mình. Nếu đặt phẩm này ở cuối kinh thì đến khi nói kinh xong mới khiến các phân thân đều trở về nước mình, tức cõi này vẫn còn thanh tịnh thì khi Diệu Âm đến việc này vì sao được khuyên là chớ thấy cõi này mà sanh tư tưởng cho là thấp kém! Lại từ phương dưới vọt lên cùng cúi đầu đánh lễ phân thân thì Ngài Diệu Âm ở phương Đông không nên một mình đánh lễ Tháp Đa Bảo. Ngài Quán Âm vâng mệnh dâng châu, không nên dâng làm hai phần. Phân thân Chư Phật vì sao bỏ qua mà không thể nương nhờ. Lại trong phẩm Chúc Lụy đã nói việc phó chúc. Phẩm Dược Vương lãnh nhận mở mang truyền bá chánh pháp, theo đây mà suy ra thì không nên đặt ở sau. Cho nên ngài La-thập mới đặt ở trước, ở trên tuy nói như vậy mà xét về chỉ đường thì lý có tám điều trái:

1) Các bản kinh trái nhau. Đời Tấn ngài Trúc Pháp hộ dịch là Chánh Pháp Hoa. Đời Tùy có hai ngài Khuất-đa và Cúc-đa dịch là Thiêm Pháp Hoa. Phẩm Chúc Lụy đều đặt cuối kinh.

2) Luận Kinh, và trái nhau. Trong Luận Pháp Hoa nói về năng lực tu hành lược có bảy loại:

a) Trì lược: Phẩm Pháp Sư, phẩm An vui Hạnh, phẩm Khuyển Trì đều thị hiện.

b) Thuyết lược: Thị hiện trong phẩm Thần Lực.

c) Hành khổ hạnh lược: Thị hiện phẩm Dược Vương.

d) Giáo hóa chúng sanh hành khổ hạnh lược. Thị hiện ở phẩm Diệu Âm.

e) Hộ trì các nạn của chúng sanh. Thị hiện phẩm Quán Âm, phẩm Đà-la-ni.

f) Công đức thù thắng lược: Thị hiện phẩm, Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự.

g) Hộ pháp lược: Thị hiện phẩm Phổ Hiền Bồ-tát và phẩm cuối. Đã nói thị hiện Hộ pháp lược ở phẩm Phổ Hiền và phẩm cuối tức là biết phẩm Chúc Lụy đặt ở cuối kinh. Nếu không như vậy thì sau phẩm Phổ Hiền còn có phẩm gì nữa? Lại sau phẩm Thần Lực tức là nói Dược Vương. Các phẩm khác đều y theo thứ lớp. Vậy nên biết phẩm Chúc Lụy phải để cuối kinh.

3) Các giáo khác nhau: Các kinh khác phần Chúc lụy đều đặt ở sau kinh. Vì sao kinh này lại đặt trước?

4) Hai việc trái ngược: Nếu khiến cho phân thân Phật trở về nước mình cõi này liền trở về uest, thì khi Diệu Âm đến nên có lời khuyên và

trong phẩm Chúc Lụy cũng khiến cho Tháp Đa Bảo trở về, mà vì sao ngài Quan Âm còn dâng chuỗi ngọc chia ra làm hai?

5) Hai mệnh lệnh không đồng nhau: Nếu phân thân và tháp Đa Bảo đều khiến trở về nước mình. Vì sao phân thân liền trở về, mà tháp Phật Đa Bảo còn ở đó? Nếu nói do mệnh lệnh tháp Đa Bảo hoàn như cũ chỉ là đóng cửa tháp lại thì như vậy vì sao chánh Pháp Hoa nói có thể về nước mình?

6) Tháp không hoàn xứ: Lại phân thân Chư Phật. Đức Thích-ca nói đi tức nói trở về, còn tháp Phật Đa Bảo đến cuối kinh lại không trở về.

7) Tịnh uế khác nhau: Lại vì Diệu Âm được khuyên khi đến Ta-bà, chẳng phải cõi Tịnh, do đó biết các phân thân đều đã trở về nước mình. Ngày phân thân Phật nhóm hợp lại vì sao lại bảo thị giả, tay cầm hoa sen cùng đi đến Linh Sơn. Lúc cầm hoa rải trên Phật liền biến thành Tịnh độ. Các núi đều ẩn mất chỉ còn thông suốt là cõi Phật, năm đường cũng mất. Vì sao có việc đến Linh Sơn cầm hoa rải Phật. Lại ngài Văn-thù, từ hải hội sẽ đến trong đây, dự tại Linh Sơn, chợt có hoa hiện ra.

8) Sự vui mừng trái với thường tình. Lại trong phẩm Chúc Lụy khiến cho phân thân Phật trở về, lúc tháp không đi. Nếu chẳng phải cuối kinh mới có phẩm Chúc Lụy thì các chúng A-tu-la đều rất vui mừng là quá sớm, không vì nghe pháp bảo mà sanh vui mừng, mà bởi thấy Phật khách vì vui mừng an ủi sâu xa mà thành ra quái lạ! Nhưng vì trước phóng ra thần lực hiện ra cõi Tịnh, Do cõi này tạp uế, sợ ngài Diệu Âm chê bai nước mình này, cho nên khuyên răn, chẳng phải khi Diệu Âm đến, phân thân đã trở về. Mà cõi này chỉ uế như tuy từ cõi tịnh thấy lại núi Linh sơn, biến đổi không chỉ thấy tịnh mà gồm thấy cõi uế. Trên thấy dưới vì sao lại không được, hai vị Phật cùng ngồi, Bồ-tát liền đến đánh lễ. Quán Thế Âm dâng chuỗi châu báu cho hai vị hóa chủ. Ý này riêng không chung với các vị Phật khác. Chỉ như trong phẩm Thiên Thọ, ngài Văn-thù từ cung rồng trở về, chỉ nên làm lễ hai vị Phật trong tháp là đủ, vì lúc này phân thân Phật chưa trở về nước mình mà Ngài Văn-thù lúc ấy không lễ phân thân, đủ thấy sự trở về, dâng châu có ý riêng sao được xét là ý chung trở về. Cho nên phẩm Chúc Lụy phải ở cuối kinh, vui mừng vâng hành cùng các vị ở các cõi khác. Lại trong phẩm Phổ Môn, bốn này vốn không có phần tụng, hoặc có là do người sau bổ sung. Người thế gian thường nghi: Nếu là Phật nói vì sao dùng kệ nói: “Thế tôn diệu tướng đủ kệ đáp. Vô tận ý. Đây chính là các nhà kết tập kinh về sau mới làm kệ. Như trong kinh Thắng man chép: Phát

sanh ý niệm này khi đó Phật hiện ở trên hư không . Từ kệ đó nương theo bèn làm kệ đặt ở sau. Vì văn xuôi ngắn không tiện, lý này cũng nên thông. Lại có người nghi: Như Phật nói vì sao lại dùng kệ nói: Chú trở các thuốc độc, trở về người ám hại. Lẽ nào Phật nói lại đi hại người! Ngày trước cũng có người mê hoặc từng hỏi Tiên sư nghĩa này: Từ âm Diệu đại vân.” Đại sư tra cứu bảo văn Phạm thấy đầy đủ kệ này chánh gọi là “Mai-đát-lặc-da Mạt-na”, nên dịch là tứ ý chứ không phải từ âm, vì thế nhất định có kệ tụng. Lại có kệ tụng cũng không sai chính vì thích nghi, điều phục. Như thợ săn khéo bắt được gấu, như thầy thuốc khéo dùng lại thuốc. Đầu tiên tuy có tổn hại mà sau thì được lợi ích, chẳng phải ban đầu làm lợi mà sau lại tổn. Có kệ tụng đã không trái với Tông chỉ, nếu không có cũng không trái lý. Lại tùy thời mà thêm vào trong kinh. Bồ-tát Trang Nghiêm Tràng hỏi Vô Tận Ý: Quán Âm vì sao có tên gọi như thế? Bồ-tát Vô Tận Ý quán xét nguyện ý trong quá khứ của Quán Âm, mới dùng kệ đáp Bồ-tát Trang Nghiêm Tràng. Như vậy vì sao dùng kệ nói:

*Thế tôn diệu tướng đủ
Nay tôi lại hỏi kia...
Đấng đầy đủ diệu tướng
Kệ đáp Vô Tận Ý.*

Văn đã trái ngược, nên biết là sai sót. Lại trong phẩm Dược Thảo Dụ thêm nữa phần sau. Luận giải thích hai thí dụ phá chấp thừa nhất. Kia nói thừa đồng, lấy mặt trời làm dụ, hai kinh chánh pháp, diệu pháp đều không có. Luận lại không giải bốn điều theo và ba nghịch. Có sai lầm cách chung không thuận để thành lý. Kinh kia lại đặt phẩm Đà-la-ni ở sau phẩm Thần Lực, như vậy là trái thứ lớp với hai bản kinh và luận. Lại nói hai phẩm Phú-lâu-na và Pháp Sư đầu tiên đều có thoát chút ít. Đã không thành văn lý khó y theo đó để làm tin. Lại nói: Văn gồm có hai mươi bảy phẩm, tức nhập phẩm Thiên Thọ vào phẩm Bảo Tháp thành một. Bốn bản trái ba thật là không thể.

PHẦN VI: Nêu thứ lớp các phẩm kinh: Hễ muốn nói pháp trước là để cảnh tỉnh chúng sanh. Cơ duyên thuận hòa thì mới có thể ứng vật mà tuyên dương. Từng bước dần nói nên đầu tiên là phẩm Tựa. Phẩm tựa lần lượt nêu ra chánh tông. Đại chúng đã nhó hạp mà chưa rảnh trình bày Tông giáo để huấn dụ. Pháp nói Nhất thừa là thật. Lược khai hai vận làm quyền. Nói một thật mà dẫn lối trở về. Hiện bày hai quyền mà khiến tích kia trở lại dấu vết. Trí thông thiện xảo, diệu ứng với bậc

thượng căn. Giảng nói thần lực, đạt đến chỗ lý suy xét, nên kể có phẩm Phương tiện. Bậc Thượng căn lãnh hội, Phật lại việc thành tựu mới có thọ ký ứng với lãnh thuật và phẩm Thọ ký. Vì, Thu Tử riêng lãnh hội không thể một mình tỏ ngộ, nên vẫn lãnh thuật thọ ký ít lược nên phẩm Thí dụ bắt đầu nêu sự lãnh thuật và thọ ký. Hạng trung căn tuy là nghe pháp mà vẫn chưa hiểu, phải dùng thí dụ để dẫn giải, nên có phẩm Thí Dụ. Bậc trí giả nhân thí dụ này mà lãnh ngộ trí tuệ tùy sanh, nên có phẩm Tín Giải. Tuy ít tín hiểu mà còn chưa biết sâu xa, vì để phá nghi tình thành tựu lại ý trên, mà có phẩm Dược Thảo Dụ. Bốn đại Thanh văn đã lãnh ngộ hiểu sâu và thọ ký đắc quả nên có phẩm Thọ Ký. Căn tánh thượng, trung tuy có phát sanh tín giải, mà chúng hạ căn còn không ngộ tướng, phải mượn lời nói chắc chắn ưa thích trợ giúp, huấn dụ trịnh trọng, nói mới kết duyên trong quá khứ biết thấu suốt tâm người, thuật lại sự đắc nhập Niết-bàn của chúng xưa kia vốn chẳng phải chân thật, khiến cho trở về đảo châu báu, hưởng tới Đại Niết-bàn. Do đây mà kể có phẩm Hóa Thành Dụ. Người đức cao trọng vọng nghe nói liền hiểu nên có tin hiểu và tâm thêm thanh tịnh, bởi ba lần lãnh hội; vẫn nói lược cũng không rộng nên không phát sanh phẩm riêng.

Trước nêu tướng cao danh tướng quả, nên có phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký. Kể hạ căn tạm thời cũng thông đạt, vì có Phật thọ ký nên có phẩm: Thọ Học Vô Học Nhân Ký. Ba căn cùng tỏ ngộ, thuyết lợi đã chu toàn, để chuẩn bị cho đời sâu xa cùng chung khuôn phép nên khen người và khen pháp khiến cho truyền rộng đại nghĩa, nên có phẩm Pháp Sư. Nương vào pháp tu học hoặc pháp, hoặc người có thể làm khuôn phép, nên phá tiểu chấp để thành Đại đạo, lãnh hội ý chỉ quyền để thể nhập chân tông. Người tin học đã ít có, người quy sùng cũng ít, nên tháp Đa Bảo hiện ra phân thân Đức Phật nhóm họp ân cần khuyên thời thường tin rõ, chứng minh cho lời Phật nói chẳng sai, nên có phẩm Hiện Bảo tháp. Tuy Phật khác nói chứng tin kinh này, mà chưa hiển bày tự đức Thế tôn khuyên người quy ngưỡng nên nêu thân làm vua vì quý trọng kinh này, hầu hạ kẻ oán thù kia vì để cầu pháp, cũng để làm rõ uy lực kinh rộng lớn độ chúng cung rộng rất nhiều, pháp lực mau thành, hóa độ Long nữ thành đạo. Vì thế có phẩm Đề-bà-đạt-đa. Đã hiện tự tha đều là bảo trọng, uy lực lớn, công dụng mau chóng, ân cần khuyên người nghe kinh, Bồ-tát đều thọ giáo và nguyện hành trì cho nên có phẩm Trì. Nếu y theo luận Bốn gọi là phẩm Khuyên Trì, Kinh này không có chữ Khuyên. Do khuyên trước rồi hành trì sau nên gọi là Khuyên trì, lý cũng không sai. Việc hành pháp đời sau thường vượt qua phép tắc, nay chỉ

bày đầy đủ phương thức khiến dễ dàng cho sự giảng nói truyền bá tuyên dương. Pháp đã dễ hành thì tự xa lìa mọi điều thương tổn, nên có phẩm An vui Hạnh. Tám Hằng sa Bồ-tát nghe Diệu đạo nguyện muốn thọ trì, lúc ấy Phật không cho phép, nói rằng cõi này đã có người mở rộng hành trì, bèn có sáu muôn hằng hà sa Bồ-tát từ lâu đã xa lìa sự thương tổn trước nguyện mở rộng giảng nói. Lúc khuyên phát hội thì nhóm chúng nhiều nên có phẩm Tùng Địa Dũng Xuất, đại chúng thấy dưới đất vọt lên cho là biến hóa chứ chẳng phải thật, vì cha trẻ mà con già nghi ngờ chẳng phải Phật Thích-ca hóa độ, nên nay nói rằng: Ta thành đạo đã lâu chúng hóa độ phải nên chẳng ít; vì giải mối nghi này nên có phẩm “Như lai Thọ Lượng”. Báo thân Phật hiện tuổi thọ dài lâu, thể Pháp thân cũng là phương tiện giảng nói, nên biết Đức Như lai từ xưa nay chất thể chỉ là ứng hóa. Đức của Phật sâu xa, mẫu nhiệm. Người nghe tin đã nhiều, lợi ích càng rộng, công đức vô lượng, nay muốn chúng biết việc lợi ích ấy không đồng, nên có phẩm “Phân Biệt Công Đức”. Lợi ích từ chỗ tùy thời, nghi tuy đã nói đầy đủ, mà người có khả năng tùy hỷ theo phước cũng không nhỏ, nên có phẩm “Tùy Hỷ Công Đức”. Người bên cạnh tùy hỷ được phước nhiều, chính bản thân mở rộng công đức ấy càng tăng gấp bội nên có phẩm “Pháp Sư Công Đức”. Người Pháp sư trì kinh chắc chắn sẽ thành Phật, thì người chê Pháp sư tội ấy vô biên, dẫn chứng bản thân, nên có phẩm “Thường Bất Khinh Bồ tát”. Đức Như lai khuyên nói việc phước đều nhiều, lại e rằng chúng sanh nghi cho là Phật nói suông, nên muốn hiển bày lời nói của Phật là không dối gạt, đâu thể nào lừa dối chúng sanh; từ thần lực chỉ bày nên có phẩm “Như lai Thần Lực”. Bồ tát Dược Vương khi xưa bỏ mạng để trì kinh, nói duyên trước mà khuyên chúng hội này cần nên cố gắng, vì thế có phẩm “Dược Vương Bổn Sư”. Lưu hành chánh pháp cõi đây kia đều là chung. Dược Vương vì ở cõi này ra sức giảng nói, nên có Bồ tát Diệu Âm từ phương khác đến cũng phát tâm truyền trao, vì thế có phẩm “Diệu Âm Bồ-tát”. Chúng sanh trì kinh hay gặp nhiều chướng nạn, phải nhờ chỉ khắp các pháp môn, nên với tâm đại bi cứu hộ mà có phẩm “Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn”. Tuy có niệm Quán Âm nhờ người cứu nạn mà chưa trì chú đón nhận thêm oai lực pháp, sự uy linh mới rộng lớn, trì kinh mới dễ được cứu giúp, nên có phẩm Đà-la-ni. Năng lực trì kinh không phân biệt oán thân, phước đức trải qua thường giúp sanh nơi tốt đẹp; vì muốn nói xưa nay không khác để khuyên mở mang truyền bá ý chỉ diệu pháp, nên có phẩm “Diệu Trang Nghiêm Vương Bổn Sư”. Tuy cõi này, cõi khác đều có mở rộng kinh này, mà chưa có khuyến khích ở

hai cõi này , nên có phẩm “Phổ Hiền Bồ-tát Khuyến Phát”. Khen ngợi, khuyến khích đã khắp, sự hóa duyên đã xong, lại ân cần trao cho, lưu thông ở đời lâu xa, nên có phẩm “Chúc Lụy”.

Đây là y theo Chánh Pháp Hoa và luận, tức phẩm Chúc Lụy ở cuối kinh, mà thứ lớp giải thích. Nếu xếp ở sau phẩm Như lai Thần Lực, e nhân tình hiểu lệch lạc, chưa kế hợp con đường chung.

